

BẢN TIN

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Quý II - 2024

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI



Các diễn biến về phòng vệ thương mại tại các phiên họp của các Ủy ban liên quan tại WTO trong nửa đầu năm 2024



Đánh giá chính sách của Hoa Kỳ đối với năng lượng mặt trời

Quy định phòng vệ thương mại mới của Hoa Kỳ và những tác động dự kiến đối với Việt Nam



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Cục Phòng vệ thương mại là tổ chức thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng vệ thương mại, bao gồm các lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Phòng vệ thương mại hoạt động nhằm hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan có liên quan của Việt Nam hiểu rõ hơn về các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng như việc Việt Nam áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng nhập khẩu bảo vệ sản xuất trong nước.

Mục lục

- 4** Điều kiện, quy trình, thủ tục để chứng minh một ngành sản xuất hoạt động theo định hướng thị trường đối với quốc gia bị Hoa Kỳ coi là nước có nền kinh tế phi thị trường
- 7** Quy định phòng vệ thương mại mới của Hoa Kỳ và những tác động dự kiến đối với Việt Nam
- 15** Đánh giá chính sách của Hoa Kỳ đối với năng lượng mặt trời
- 22** Quy định và thực tiễn thực hiện rà soát cuối kỳ biện pháp chống bán phá giá của Hoa Kỳ
- 32** Các diễn biến về phòng vệ thương mại tại các phiên họp của các Ủy ban liên quan tại WTO trong nửa đầu năm 2024

Phát hành 1 số/Quý

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Trịnh Anh Tuấn

Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại

Tổ chức sản xuất và phát hành

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO (CIEW)

23 Ngõ Quyền - Hà Nội

ĐT: (024) 3939 3422 - Fax: (024) 7303 7897

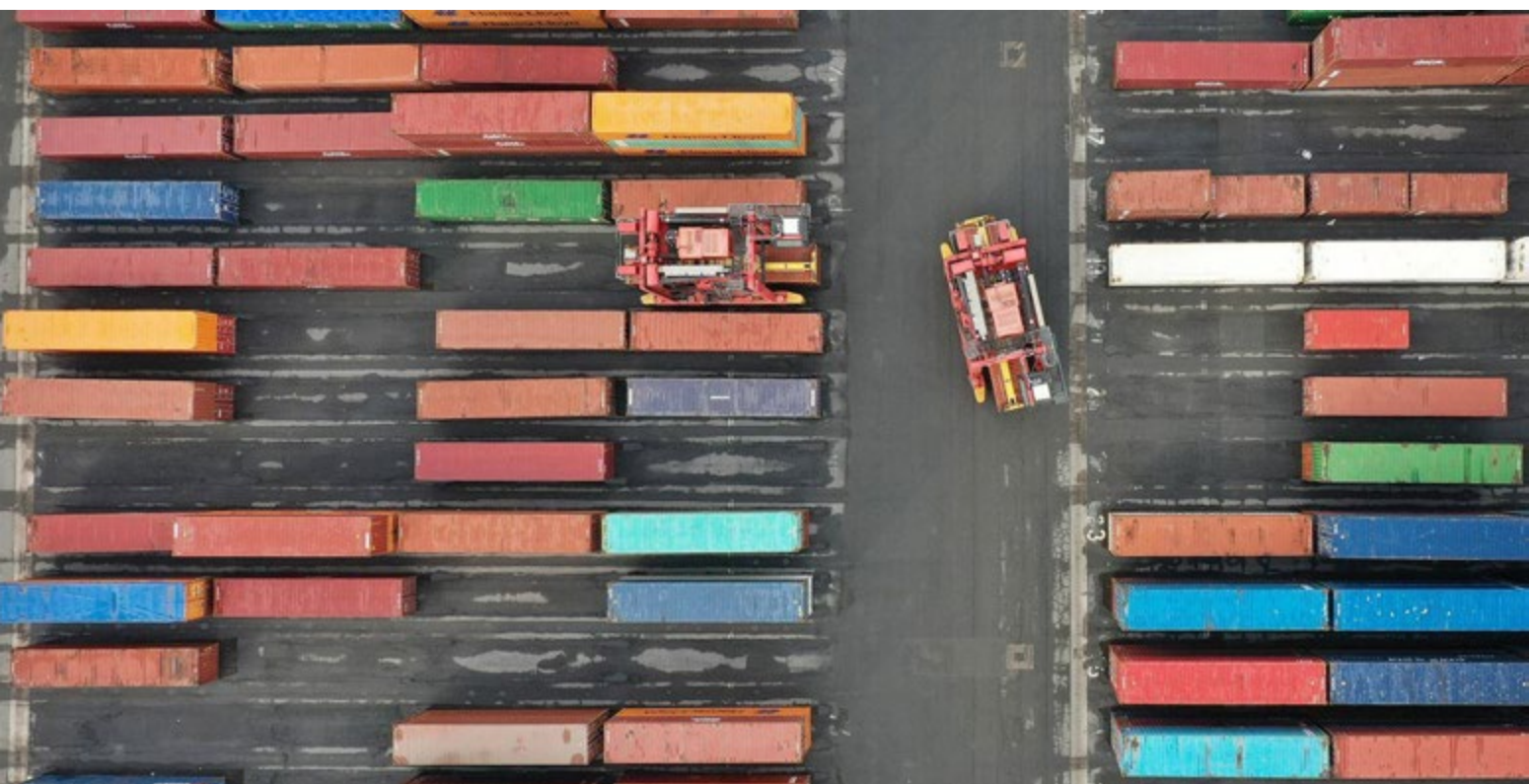
Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp của độc giả nhằm nâng cao chất lượng của Bản tin. Mọi ý kiến đóng góp, thư từ, tin, bài xin gửi về:

Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại

23 Ngõ Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 73037898 - Fax: (024) 7303 7897 - Email: ciew@moit.gov.vn

Lưu ý: Các phân tích đánh giá trong các bài viết phản ánh quan điểm của cá nhân tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm, đánh giá của Cục Phòng vệ thương mại



**Điều kiện, quy trình, thủ tục để
chứng minh một ngành sản xuất
hoạt động theo định hướng thị
trường đối với quốc gia bị Hoa Kỳ
coi là nước có nền kinh tế phi thị
trường**

Trong điều tra bán phá giá và trợ cấp, pháp luật Hoa Kỳ có quy định về việc coi nước xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Hoa Kỳ là nước có nền kinh tế phi thị trường để áp dụng những điều kiện bất lợi khi xác định giá trị thông thường để tính biên độ phá giá và biên độ trợ cấp. Tuy nhiên, kể cả khi một nước xuất khẩu bị coi là một nền kinh tế phi thị trường thì Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) cũng có thể sử dụng phương pháp xác định một ngành sản xuất theo định hướng thị trường để xác định giá trị thông thường của sản phẩm bị điều tra nếu như ngành sản xuất sản phẩm bị điều tra chứng minh được rằng ngành đó là một ngành hoạt động “theo định hướng thị trường” (market-oriented industry – MOI). Trong một vụ việc chống bán phá giá/trợ cấp, nếu nước xuất khẩu chưa được DOC công nhận là nước có nền kinh tế thị trường (KTTT) theo quy định tại Điều 773(c) (1) của Đạo luật Thuế quan Hoa Kỳ 1930), ngành sản xuất hàng hóa nước xuất khẩu đó có thể yêu cầu DOC xem xét việc hoạt động theo cơ chế thị trường của ngành sản xuất đó nếu đáp ứng các điều kiện, quy trình, thủ tục chứng minh ngành sản xuất đó hoạt động theo MOI.

Khái quát về việc xem xét một quốc gia có nền KTTT theo pháp luật Hoa Kỳ

Khi đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam đã cam kết để các nước thành viên WTO đối xử với Việt Nam như một nước có nền kinh tế phi thị trường trong các vụ điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC) tại đoạn 255 của Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia

nhập WTO trong vòng 12 năm (đến hết ngày 31/12/2018).

Tuy nhiên, qua thời hạn này, việc công nhận KTTT đối với Việt Nam (và Trung Quốc năm 2016) không được tự động áp dụng theo các điều kiện ra nhập WTO mà vẫn phải đảm bảo thỏa mãn 6 tiêu chí luật định của Hoa Kỳ theo quy định tại Điều 771(18)(b) của Đạo luật Thuế quan 1930, bao gồm:

(i) Mức độ chuyển đổi của đồng tiền;

(ii) Vấn đề đàm phán tiền lương, tiền công giữa người lao động và người sử dụng lao động;

(iii) Mức độ đầu tư nước ngoài vào các hoạt động kinh tế;

(iv) Vấn đề sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân;

(v) Mức độ kiểm soát của Chính phủ với một số nguồn lực và giá cả;

(vi) Các yếu tố khác.

Theo Điều 771(18)(C)(ii) của Đạo luật Thuế quan 1930, DOC có thể đưa ra quyết định về việc liệu một quốc gia cụ thể nào đó có phải là nền kinh tế phi thị trường hay không vào “bất cứ lúc nào”. Điều 771(18)(8) của Đạo luật quy định rằng khi đưa ra các quyết định này, DOC sẽ xem xét đến 06 yếu tố nêu trên.

Vì vậy, một quốc gia muốn Hoa Kỳ công nhận là nước có nền KTTT sẽ phải có nghĩa vụ đề nghị DOC khởi xướng một cuộc rà soát thay đổi hoàn cảnh để đánh giá tình hình kinh tế của quốc gia đó đáp ứng 06 tiêu chí tại Điều 771(18)(8) của Đạo luật Thuế quan Hoa Kỳ 1930 theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng của DOC.

Xem xét một ngành sản xuất hàng hóa hoạt động theo “định hướng thị trường”

Về mặt quy định, các quyết định của DOC theo 06 tiêu chí chỉ dựa trên các yếu tố kỹ thuật (đặc biệt là 05 tiêu chí đầu tiên). Tuy nhiên, trên thực tế quyết định công nhận quy chế KTTT cho một quốc gia cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác, đặc biệt là yếu tố chính trị. Điều này đã được thể hiện trong trường hợp DOC công nhận nền KTTT của Liên bang Nga, Ca-dắc-xtan, Cộng hòa Séc... năm 2002, U-crai-na năm 2006.

Tuy nhiên, kể cả khi một nước bị coi là một nền kinh tế phi thị trường thì DOC cũng có thể sử dụng phương pháp KTTT để xác định giá trị thông thường của sản phẩm bị điều tra nếu như ngành sản xuất hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá/trợ cấp chứng minh được rằng ngành đó là một ngành hoạt động “theo định hướng thị trường” (market-oriented industry - MOI). Trong một vụ việc điều tra chống bán phá giá/trợ cấp, nếu nước xuất khẩu hàng hóa chưa được DOC công nhận là nước có nền KTTT (Theo quy định tại Điều 773(c) (1) của Đạo luật Thuế quan 1930), các doanh nghiệp nước đó có thể yêu cầu DOC xem xét việc hoạt động theo cơ chế thị trường của ngành sản xuất hàng hóa bị điều tra trong vụ việc đó.

Việc xem xét một ngành sản xuất hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá/trợ cấp hoạt động theo định hướng thị trường hay không chỉ được đặt ra đối với các quốc gia bị Hoa Kỳ coi là nước có nền kinh tế phi thị trường.

Trong quá trình điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá/trợ cấp, DOC sẽ yêu cầu lấy ý kiến công khai đối với tất cả các bên liên quan về việc có nên xem xét áp dụng quy chế KTTT

cho các doanh nghiệp đơn lẻ xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Hoa Kỳ hay không. Các doanh nghiệp, ngành sản xuất hàng hóa này là bị đơn trong vụ việc điều tra chống bán phá giá/trợ cấp do DOC khởi xướng điều tra và thuộc các quốc gia bị Hoa Kỳ coi là nền kinh tế phi thị trường xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ. DOC cũng lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan về việc nếu một số doanh nghiệp đơn lẻ hay ngành sản xuất hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá/trợ cấp được hưởng đối xử hoạt động theo định hướng thị trường thì sẽ gây tác động và ảnh hưởng thế nào đến việc tính toán biên độ phá giá/trợ cấp cho các bên còn lại trong vụ việc.

Trong các vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá/trợ cấp liên quan đến các nước có nền kinh tế phi thị trường, cách thức thông thường của DOC để tính giá trị thông thường cho hàng hóa bị cáo buộc bán phá giá được nhập khẩu vào Hoa Kỳ bằng cách định giá các yếu tố trong quá trình sản xuất của nhà sản xuất thuộc quốc gia có nền kinh tế phi thị trường. Pháp luật Hoa Kỳ quy định việc sử dụng các yếu tố sản xuất để xác định giá trị thông thường nếu thỏa mãn 2 điều kiện:

(1) Hàng hóa bị điều tra được xuất khẩu từ một quốc gia có nền kinh tế phi thị trường;

(2) Cơ quan điều tra nhận thấy rằng thông tin sẵn có của các doanh nghiệp là bị đơn thuộc các quốc gia có nền kinh tế phi thị trường không thể dùng để tính toán giá trị thông thường của hàng hóa bị điều tra như các bị đơn khác thuộc các nước có nền kinh tế thị trường.

Nếu 02 điều kiện nêu trên thỏa mãn, giá trị thông thường của hàng hóa bị điều tra từ các bị đơn thuộc các quốc gia có nền kinh tế phi thị trường sẽ được tính toán dựa trên giá và chi phí từ một quốc gia thay thế.

DOC sẽ rà soát tổng thể toàn bộ ngành sản xuất hàng hóa xuất khẩu bị điều tra chống bán phá giá/trợ cấp để xác định xem liệu thông tin sẵn có tại các quốc gia có nền kinh tế phi thị trường có đủ điều kiện để cho phép hưởng quy chế kinh tế thị trường đối với ngành sản xuất hàng hóa đó hay không, có công bằng đối với các bị đơn khác hay không? Đây được gọi là ngành sản xuất hàng hóa theo định hướng thị trường (MOI). Việc này sẽ giúp cho một hoặc một số bị đơn thuộc nước có nền kinh tế phi thị trường có khả năng được hưởng quy chế KTTT, nhưng chỉ trên cơ sở từng trường hợp cụ thể, theo ngành. Và việc xem xét này chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của bị đơn trong vụ việc điều tra chống bán phá giá/trợ cấp, có thể là doanh nghiệp hoặc Chính phủ nước bị coi là có nền kinh tế phi thị trường.

Điều kiện cần và đủ để được xem xét là ngành sản xuất hàng hóa hoạt động theo định hướng thị trường

DOC đưa ra 3 điều kiện để một ngành sản xuất hàng hóa xuất khẩu là bị đơn trong vụ việc điều tra chống bán phá giá/trợ cấp được xem xét là ngành hoạt động theo định hướng thị trường như sau:

(1) Không có sự can thiệp của Chính phủ vào quá trình sản xuất hoặc giá cả của toàn ngành;

(2) Ngành sản xuất công nghiệp này phải được sở hữu bởi tư nhân hoặc tập thể, không

có cổ phần hay sở hữu nhà nước và hoạt động theo cách thức phù hợp với việc xem xét quy chế KTTT;

(3) Các nhà sản xuất hàng hóa phải trả mức giá do thị trường quyết định cho tất cả các nguyên vật liệu đầu vào nguyên liệu chính, ngoại trừ một tỷ lệ không đáng kể lượng nguyên vật liệu đầu vào nhỏ.

Trong một số vụ việc chống bán phá giá/trợ cấp gần đây đối với các doanh nghiệp xuất khẩu của Trung Quốc, DOC đã đánh giá nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển đáng kể theo thời gian và hiện nền kinh tế nước này “có một mức độ nhất định sáng kiến tư nhân cũng như có sự can thiệp đáng kể của Chính phủ, kết hợp giữa quy luật thị trường với sự định hướng của nhà nước.” Bên cạnh đó, DOC nhận định trong khi các ngành sản xuất công nghiệp tư nhân hiện nay đang chiếm lĩnh nhiều lĩnh vực của nền kinh tế Trung Quốc và tinh thần kinh doanh đang phát triển mạnh mẽ thì nền kinh tế Trung Quốc vẫn mang đặc trưng cơ chế thị trường hạn chế vận hành song song với kế hoạch và sự điều tiết của Chính phủ.

PHAN KHÁNH AN



Quy định phòng vệ thương mại mới của Hoa Kỳ và những tác động dự kiến đối với Việt Nam

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) chính thức thông báo áp dụng quy định mới về điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và chống lẩn tránh đối với hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ.

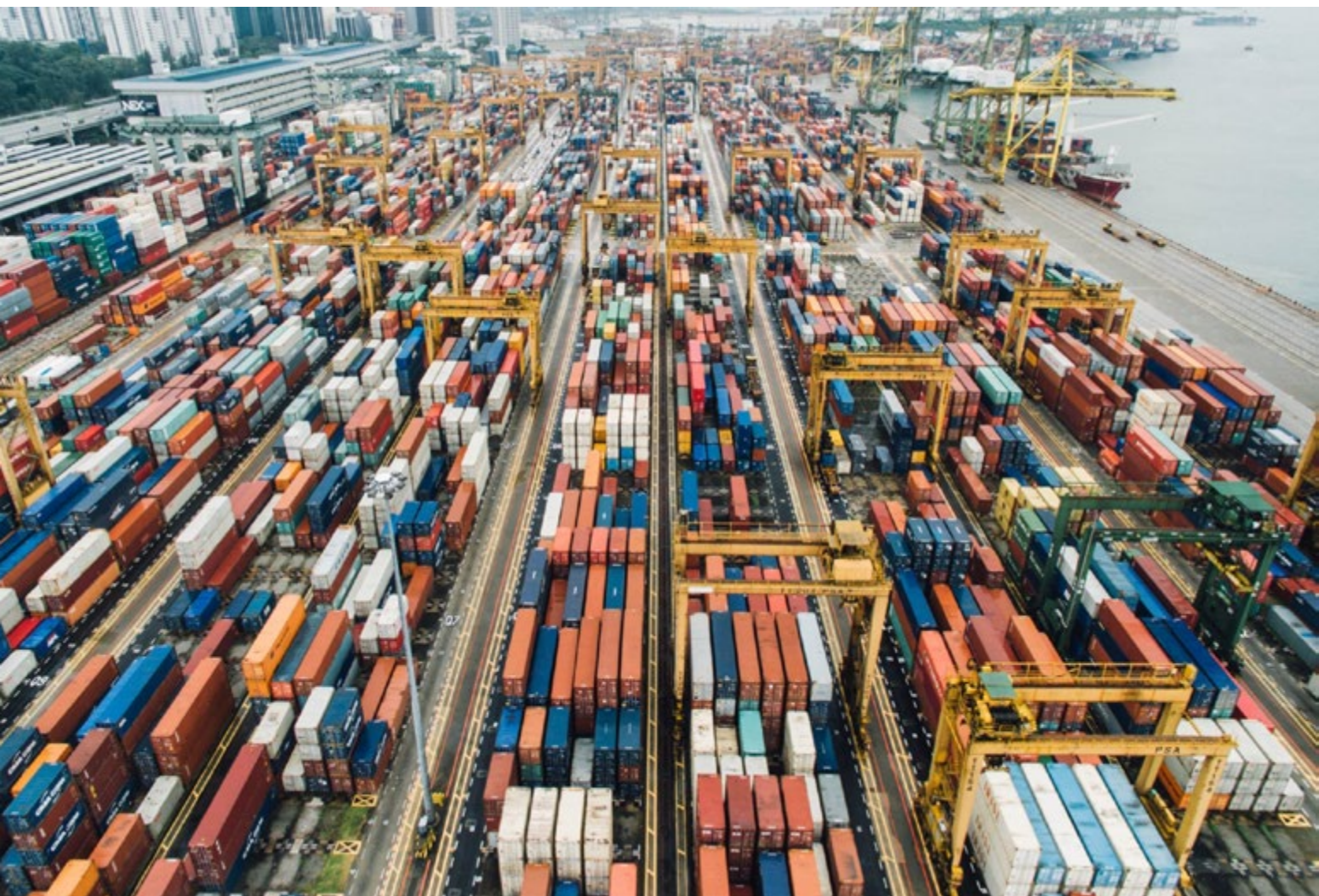
1. TÌNH HÌNH ĐIỀU TRA PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI (PVTM) CỦA HOA KỲ VỚI VIỆT NAM

Theo số liệu của Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC), tổng kim ngạch thương mại 02 chiều năm 2023 đạt 124,2 tỷ USD, mặc dù giảm 10% so với năm 2022 (năm xuất khẩu tăng đột biến hậu Covid-19) nhưng vẫn tăng 10% so với năm 2021,

thặng dư thương mại năm 2023 của Việt Nam đạt 104,6 tỷ USD.

Việt Nam nằm trong nhóm có thặng dư thương mại đáng kể với Hoa Kỳ (đứng thứ 03 chỉ sau Trung Quốc và Mê-hi-cô). Số liệu trên cho thấy hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn, sức cạnh tranh tốt so với các nước trên thế giới khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu cũng gây áp lực cho các ngành sản xuất nội địa của Hoa Kỳ, buộc chính quyền Hoa Kỳ phải tìm kiếm các giải pháp để hạn chế nhập khẩu, ví dụ như điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM, Mục 301 và Mục 232 của Đạo luật thương mại, Đạo luật chống lao động cưỡng bức....

Một trong các công cụ được chính quyền Hoa Kỳ thường xuyên sử dụng thời gian qua là các biện pháp PVTM. Về nguyên tắc, các biện pháp PVTM, bao gồm chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC) và tự vệ, là các biện pháp được Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho phép các nước thành viên áp dụng để bảo vệ các ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không công bằng hoặc sự gia tăng lớn, không lường trước được của hàng nhập khẩu. Biện pháp PVTM có thể được áp dụng dưới hình thức thuế nhập khẩu bổ sung sau khi cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu xác định thông qua một cuộc điều tra rằng các điều kiện áp dụng biện pháp theo quy định của



WTO đã được thỏa mãn. Để đảm bảo hiệu quả của các biện pháp PVTM đang áp dụng, các nước cũng tiến hành điều tra và áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM.

Theo thống kê của WTO, Hoa Kỳ hiện là nước đứng đầu trên thế giới về việc điều tra và áp dụng các biện pháp PVTM để bảo hộ ngành sản xuất nội địa và cũng là nước điều tra, áp dụng nhiều biện pháp PVTM nhất với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam. Đến giữa tháng 5 năm 2023, Hoa Kỳ đã tiến hành điều tra **64 vụ** trên tổng số 251 vụ việc nước ngoài điều tra với Việt Nam (chiếm hơn 25%), gồm: 28 vụ việc CBPG, 11 vụ việc CTC, 22 vụ việc chống lẩn tránh thuế PVTM và 03 vụ việc tự vệ.

Số vụ việc PVTM do Hoa Kỳ điều tra với Việt Nam

Thời gian	Trước năm 2001 ¹	2002 - 2016	2017 ² - T5/2024
Số vụ việc	0	19	45

Thực tiễn các vụ việc điều tra PVTM của Hoa Kỳ đối với Việt Nam có một số đặc điểm, xu hướng đáng lưu ý như sau:

- Sản phẩm bị điều tra ngày càng đa dạng: Từ các sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn như gỗ, pin năng lượng mặt trời, thép, nhôm, thủy sản (tôm, cá tra); lốp xe... đến những sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu trung bình và nhỏ như túi giấy, mật ong, đĩa giấy...

¹ Thời điểm Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) có hiệu lực

² Năm Tổng thống Donald Trump nhậm chức

- Tăng nhanh về số lượng vụ việc điều tra chống lẩn tránh: Trước khi sửa đổi quy định về điều tra chống lẩn tránh vào tháng 9 năm 2021, số lượng các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM mà Hoa Kỳ khởi xướng với Việt Nam là 09 vụ việc. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay, Hoa Kỳ khởi xướng 13/37 vụ việc điều tra lẩn tránh với Việt Nam (*hơn 1/3 tổng số vụ việc điều tra lẩn tránh thuế của nước ngoài với Việt Nam từ trước tới nay*). Các vụ việc này chủ yếu tập trung vào sản phẩm xuất khẩu sử dụng nguyên liệu có xuất xứ Trung Quốc.

- Thường xuyên điều tra “kép”, điều tra nhiều biện pháp với cùng một sản phẩm: Ví dụ sản phẩm lốp xe bị đồng thời áp thuế CBPG và CTC; pin năng lượng mặt trời bị áp thuế tự vệ, thuế chống lẩn tránh thuế CBPG và CTC và đang bị điều tra CBPG và CTC; nhôm bị áp thuế chống lẩn tránh thuế CBPG và CTC và đang bị điều tra CBPG; tôm nước ấm đông lạnh bị áp thuế CBPG và đang bị điều tra CTC.

- Thường xuyên điều tra “chùm”: Trong bối cảnh cơ cấu sản xuất của Việt Nam khá tương đồng với Trung Quốc và nước này cũng đứng thứ 4 về đầu tư trực tiếp vào Việt Nam (năm 2023) thì việc bị “vạ lây” là điều không thể tránh khỏi. Việc tham gia vào các chuỗi cung ứng khu vực thông qua tham gia vào nhiều Hiệp định Thương mại tự do (FTA) khiến Việt Nam trở thành quốc gia thường xuyên bị Hoa Kỳ điều tra chung với một số nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ... - cũng là các quốc gia có kim ngạch xuất khẩu lớn, thường xuyên bị điều tra PVTM.

- Phạm vi điều tra ngày càng mở rộng: Bao gồm cả các nội dung mới như điều tra xem xét phạm vi sản phẩm, điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM, điều tra định giá thấp tiền tệ trong khuôn khổ điều tra CTC... Ví dụ, trong vụ việc điều tra CTC với lốp xe của Việt Nam khởi xướng năm 2020, lần đầu tiên Hoa Kỳ cho rằng việc Chính phủ định giá thấp đồng tiền là một loại trợ cấp và đã đánh thuế gần 2% vì lý do này, dẫn đến tổng thuế CTC lên đến gần 8%.

- Xu hướng điều tra khắt khe hơn: Yêu cầu Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam bổ sung nhiều thông tin, chặt chẽ về gia hạn thời hạn nộp bản trả lời câu hỏi, thay đổi tiền lệ trong việc xác định xuất xứ...

- Thời gian điều tra kéo dài, đặc biệt với các vụ việc điều tra chống lẩn tránh: Ví dụ vụ việc Hoa Kỳ điều tra chống lẩn tránh đối với gỗ dán cứng từ Việt Nam kéo dài hơn 3 năm do được gia hạn nhiều lần. Việc gia hạn này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp do chưa biết được doanh nghiệp nào sẽ được tham gia cơ chế tự xác nhận để loại trừ khỏi biện pháp cho các lô hàng chưa thanh khoản và các lô hàng tương lai.

- Mức thuế PVTM bị đẩy lên cao do vấn đề kinh tế thị trường (KTTT):

Do Hoa Kỳ chưa công nhận Việt Nam là nền KTTT nên sử dụng chi phí của một nước thứ ba (nước thay thế) để tính giá trị thông thường trong các vụ việc CBPG, khiến mức thuế CBPG tăng cao, không phản ánh đúng thực trạng sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, việc coi Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường cho phép Hoa Kỳ áp dụng thuế suất toàn quốc - là mức

thuế dành cho các doanh nghiệp không hợp tác hoặc không chứng minh được họ không chịu sự kiểm soát của Chính phủ. Thuế suất toàn quốc thường được tính toán dựa trên dữ liệu sẵn có nên bị đẩy lên rất cao và thường được duy trì trong tất cả các đợt rà soát, gây cản trở cho việc xem xét dỡ bỏ lệnh áp thuế của Hoa Kỳ. Việc Hoa Kỳ thường xuyên cập nhật danh sách nước thay thế... càng làm cho kết quả vụ việc trở nên khó dự đoán hơn. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng sử dụng ngưỡng chuẩn (benchmark) của nước thay thế khi tính toán biên độ trợ cấp, khiến biên độ trợ cấp tăng cao, hay khi xem xét các yếu tố đánh giá lẫn tránh biện pháp PVTM, khiến khả năng doanh nghiệp Việt Nam bị kết luận có lẫn tránh cao hơn.

Nhận thức việc được công nhận KTTT có ý nghĩa rất lớn cho các ngành sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, ngày 08 tháng 9 năm 2023, Bộ Công Thương đã nộp hồ sơ đề nghị DOC xem xét công nhận Việt Nam là nền KTTT theo quy định của Hoa Kỳ nhân dịp ***nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện***. Sau khi DOC chính thức khởi xướng việc xem xét vào ngày 30 tháng 10 năm 2023, Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện bản lập luận, bản lập luận phản biện của Chính phủ, đồng thời kêu gọi các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước có tiếng nói ủng hộ Việt Nam, tham gia các thủ tục theo quy định của Hoa Kỳ. Nếu không gia hạn, DOC dự kiến sẽ ban hành kết luận cuối cùng vào tháng 7 năm 2024.

2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUY ĐỊNH PVTM CỦA HOA KỲ

Theo pháp luật PVTM của Hoa Kỳ (Chương VII, Đạo Luật Thuế quan 1930), thẩm quyền rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến PVTM được trao cho DOC. DOC đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả điều tra, thực thi các biện pháp PVTM. Chính sách PVTM của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Joe Biden đã trải qua 02 lần sửa đổi:

- **Lần 1:** Ngày 20 tháng 9 năm 2021, DOC đăng công báo sửa đổi một số nội dung trong quy định pháp luật về điều tra CBPG/CTC và điều tra chống lẫn tránh, lần lượt có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 và ngày 4 tháng 11 năm 2021. Phần lớn các quy định sửa đổi chỉ “luật hóa” quy trình thủ tục, thông lệ, thực tiễn điều tra chống lẫn tránh của DOC vốn chưa được hướng dẫn cụ thể trước đây. Điều này giúp tăng cường tính minh bạch của quy trình điều tra, giúp các bên có liên quan dễ dàng hình dung và có các bước chuẩn bị để xử lý vụ việc. Tuy nhiên, một số quy định sửa đổi theo hướng tăng quyền định đoạt của DOC có thể gây khó khăn nhất định cho các nhà sản xuất/xuất khẩu và thậm chí chính các nhà nhập khẩu của Hoa Kỳ, ví dụ như việc áp dụng thuế hồi tố khi điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẫn tránh thuế với tất cả các lô hàng chưa thanh khoản hải quan trong khoảng thời gian khá dài (có thể lên tới 10 tháng trước khi DOC ra quyết định) khiến các nhà nhập khẩu có xu hướng lựa chọn hàng hóa của các nước ít rủi ro bị điều tra...

- **Lần 2:** Tháng 5 năm 2023, DOC công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều tra CBPG/CTC để lấy ý kiến các bên liên quan, tập trung vào cáo buộc các chương trình trợ cấp mới (trợ cấp xuyên quốc gia, trợ cấp do Chính phủ không hành động), thay đổi phương pháp lựa chọn nước/giá trị thay thế trong điều tra CBPG và CTC, quy định chi tiết về tình hình thị trường đặc biệt - những vấn đề có thể ảnh hưởng lớn hơn tới Việt Nam. Trong số 53 bình luận của các bên liên quan nộp bình luận đúng hạn, các Hiệp hội và doanh nghiệp sản xuất của Hoa Kỳ ủng hộ dự thảo trong khi chính phủ và doanh nghiệp các nước xuất khẩu lớn vào Hoa Kỳ như Trung Quốc, Hàn Quốc, Cô-lôm-bi-a, Mê-hi-cô, Việt Nam... bày tỏ quan ngại.

Quy định mới về điều tra CBPG/CTC và chống lẫn tránh chính thức **có hiệu lực từ ngày 24 tháng 4 năm 2024** có một số điểm đáng lưu ý như sau:

1. Cho phép điều tra và áp thuế trợ cấp xuyên quốc gia (transnational subsidies)

DOC bãi bỏ quy định hiện hành không cho phép Hoa Kỳ điều tra CTC xuyên quốc gia và bảo lưu quyền điều tra và áp thuế CTC đối với các khoản trợ cấp xuyên quốc gia (tức là các khoản trợ cấp do chính phủ hoặc tổ chức công ở một quốc gia cung cấp mang lại lợi ích cho nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu ở một quốc gia khác, ví dụ như các khoản trợ cấp từ chương trình “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (BRI) của Trung Quốc có thể hỗ trợ việc sản xuất xuất khẩu của nước thứ ba) trong tương lai.



Hiện tại, về cơ bản, trong các vụ việc điều tra CTC của Hoa Kỳ với Việt Nam, chỉ một số chương trình bị kết luận là trợ cấp có thể đối kháng và được nhận bởi doanh nghiệp, do đó mức thuế CTC khá thấp. Trên thực tế, thời gian gần đây Hoa Kỳ ít điều tra CTC với Việt Nam (vụ việc điều tra đã kết thúc gần nhất là từ năm 2020 với lớp xe ô tô, mức thuế CTC là 6,23% đến 7,89% và mức thuế rà soát với một doanh nghiệp chỉ còn 0%). Tuy nhiên, việc sửa đổi này có thể dẫn tới sự khó định đoán và mức thuế CTC bất lợi hơn cho Việt Nam trong các vụ việc tương lai, do Hoa Kỳ có thể gộp thêm các trợ cấp của Chính phủ các nước khác (ví dụ như Trung Quốc, Đài Loan - Trung Quốc, Hàn Quốc,...) cho các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam hay cho nguyên liệu nhập khẩu sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ để tính biên độ trợ

cấp cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, khiến biên độ trợ cấp bị đẩy lên cao.

2. Bổ sung cáo buộc chương trình trợ cấp mới

DOC bổ sung trường hợp Chính phủ nước bị điều tra CTC bỏ qua, không thu các khoản phí, tiền phạt, hình phạt phải nộp (ví dụ phí xử lý nước thải, tiền phạt vi phạm tiêu chuẩn an toàn lao động trong nhà máy...) cũng được coi là 01 khoản trợ cấp, do Chính phủ đáng lẽ đã yêu cầu thanh toán, hoặc phải có hành động để thu các khoản đó. DOC cho rằng đây được coi là một khoản trợ cấp có thể đối kháng vì Chính phủ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp xuất khẩu (khoản tiền không phải nộp hoặc chậm nộp).

Ngoài ra, DOC cũng bổ sung quy định coi các khoản vay từ Chính phủ hoặc ngân hàng thuộc sở hữu của Chính phủ là

một khoản tài trợ (grant) nếu không có khoản thanh toán gốc và lãi nào được thực hiện trong vòng 03 năm, trừ khi người nhận khoản vay có thể chứng minh được việc không thanh toán đó phù hợp với các điều khoản vay thương mại tương đương trên thị trường hoặc phù hợp với các điều khoản của hợp đồng vay.

3. Bổ sung quy định lựa chọn nước thay thế

DOC bổ sung quy định khi lựa chọn nước thay thế để tính toán biên độ CBPG cho các nền kinh tế phi thị trường - NME (trong đó có Việt Nam), thì sẽ loại trừ, không lựa chọn các quốc gia trợ cấp xuất khẩu rộng rãi/có trợ cấp hoặc bị áp thuế CBPG liên quan đến giá trị thay thế/ không thực thi và có cơ chế thực thi yếu, không hiệu quả các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, quyền con người, lao động, môi trường do giá trị thay thế,

ngưỡng chuẩn hay chi phí sản xuất tại các quốc gia này có khả năng bị bóp méo hoặc không phù hợp với nguyên tắc thị trường.

Trong trường hợp không có đề xuất giá trị thay thế nào phù hợp từ một quốc gia có nền KTTT có trình độ phát triển tương đương với Việt Nam thì DOC sẽ sử dụng giá trị thay thế của một quốc gia có nền KTTT có trình độ phát triển không tương đương. Các quốc gia thường được Hoa Kỳ lựa chọn làm nước thay thế cho Việt Nam trước đây (Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a...) trong điều tra PVTM đều là các nước đang phát triển, cũng là một trong các nước bị áp dụng biện pháp CTC nhiều nhất trên thế giới. Vì vậy, đề xuất sửa đổi này của DOC có thể dẫn tới việc DOC chọn quốc gia thay thế là nước có trình độ phát triển cao hơn Việt Nam, làm gia tăng giá trị thay thế, dẫn đến đẩy biên độ phá giá lên cao hơn.

Ngoài ra, quy định mới cũng cho phép trong trường hợp không có đề xuất giá trị thay thế

nào phù hợp từ một quốc gia là nhà sản xuất hàng hóa đáng kể có thể so sánh với hàng hóa bị điều tra, thì DOC có thể sử dụng giá trị thay thế của một quốc gia có nền KTTT không phải là nhà sản xuất hàng hóa đáng kể có thể so sánh với hàng hóa bị điều tra.

Mặc dù trong quá trình điều tra của DOC, Việt Nam có quyền bình luận về việc lựa chọn nước thay thế nhưng quyền lựa chọn cuối cùng vẫn thuộc về DOC.

4. Quy định chi tiết về tình hình thị trường đặc biệt (PMS)

DOC đã bổ sung và cụ thể hóa các quy định về điều tra PMS trong các vụ việc điều tra CBPG, cho phép DOC có thể sử dụng giá trị thay thế để tính toán biên độ phá giá trong vụ việc đó, tương tự như phương pháp tính toán biên độ phá giá cho các nước NME như đã trình bày tại mục II.3. DOC định nghĩa PMS tồn tại khi: (i) không thể so sánh hợp lý giá bán tại nước xuất khẩu với giá xuất khẩu; hoặc (ii) dẫn tới bóp méo chi phí nguyên liệu và chế tạo hoặc các công đoạn

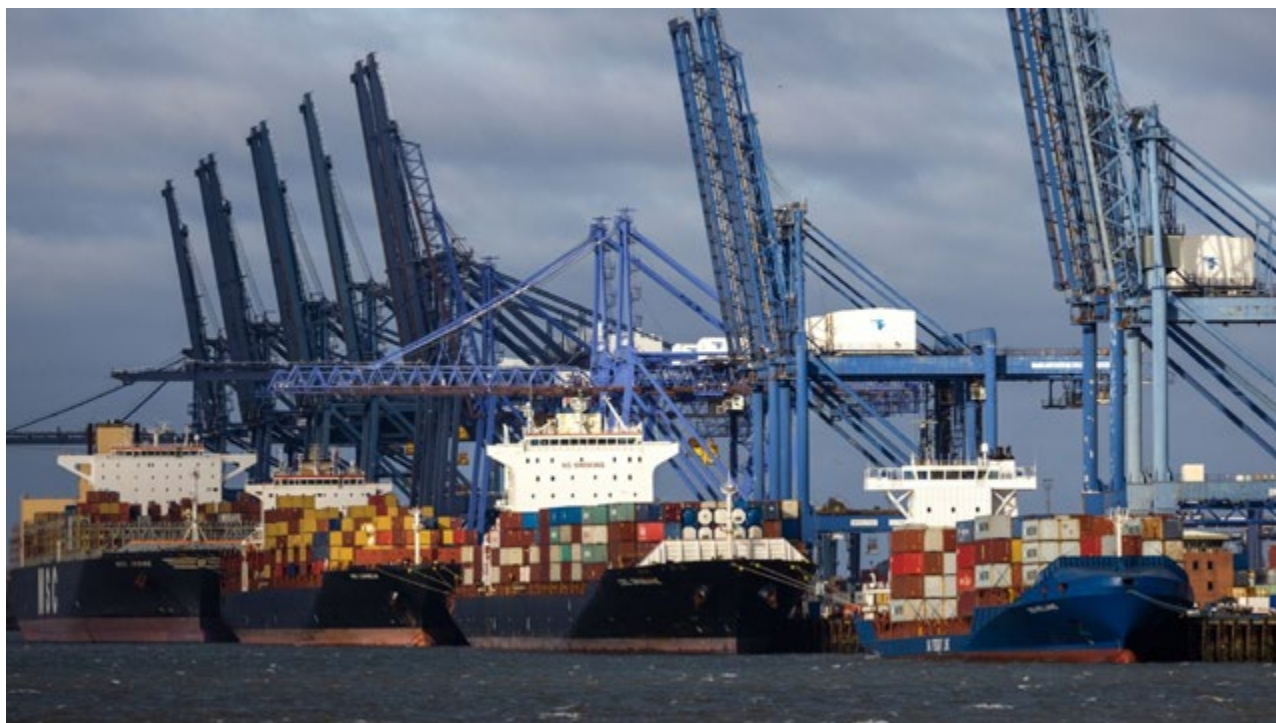
sản xuất khác, khiến chi phí sản xuất không phản ánh chính xác chi phí sản xuất trong điều kiện thương mại thông thường. DOC đưa ra một số ví dụ về PMS như: áp thuế xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu, ban hành và thực thi các quy định hạn chế cạnh tranh mang lại vị thế đặc biệt cho các nhà sản xuất được ưu đãi hoặc tạo ra rào cản gia nhập thị trường, sự kiểm soát trực tiếp của chính phủ đối với việc định giá hàng hóa, việc chính phủ thực thi yếu hay không hành động... Các ví dụ này cho thấy khả năng bị kết luận tồn tại PMS khá lớn vì bao hàm phạm vi rất rộng.

5. Một số sửa đổi khác

5.1. Sửa đổi và bổ sung quy định về trích dẫn thông tin

DOC cũng sửa đổi và bổ sung quy định yêu cầu các bên phải cung cấp tài liệu gốc của thông tin dẫn chiếu, ví dụ bài báo, bài nghiên cứu, sách giáo khoa... (chứ không chỉ cung cấp đường link hoặc mã URL của trang web) trong các bản trả lời câu hỏi, bản bình luận... để





đảm bảo các tài liệu này được lưu trong hồ sơ vụ việc.

Tuy nhiên, DOC cũng đưa ra một số ngoại lệ đối với những nguồn tài liệu mà các bên có thể trích dẫn mà không cần có trong hồ sơ vụ việc, bao gồm: các đạo luật và quy định của Hoa Kỳ; lịch sử lập pháp Hoa Kỳ đã xuất bản; các quyết định và lệnh của tòa án Hoa Kỳ; một số thông báo nhất định của DOC và ITC được đăng trên Thông báo Liên bang, các biên bản quyết định và báo cáo được thông qua bởi những thông báo đó; các hiệp định về PVTM của WTO.

Việc sửa đổi và bổ sung này một mặt có thể làm tăng tính minh bạch hơn cho quy trình điều tra. Mặt khác, quy định này cũng yêu cầu Chính phủ và các doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ các tài liệu nguồn khi trích dẫn thông tin, nếu không DOC có thể từ chối xem xét các thông tin này.

5.2. Bổ sung quy định phân cấp áp dụng dữ kiện bất lợi có sẵn (Adverse Fact Available -

AFA) trong các vụ việc điều tra CTC

Thông thường, để xác định mức trợ cấp khi không có thông tin được các bên cung cấp, DOC thường mặc định áp dụng mức cao nhất dựa trên AFA. Theo quy định mới, DOC luật hóa để áp dụng AFA trong các vụ việc điều tra CTC ban đầu theo thứ tự ưu tiên sau: (1) mức trợ cấp cao nhất từ 0,5% trở lên được xác định cho chương trình giống hệt sử dụng bởi bị đơn hợp tác trong vụ việc; (2) mức trợ cấp cao nhất từ 0,5% trở lên được xác định cho chương trình giống hệt/tương tự/chương trình không dành riêng cho một công ty cụ thể trong các vụ việc điều tra CTC khác mà Hoa Kỳ đã tiến hành đối với chính quốc gia đó (nếu có). Nếu không có các chương trình trợ cấp giống hệt hoặc tương đương, DOC sẽ áp dụng mức trợ cấp cao nhất từ 0,5% trở lên trong vụ việc CTC cho cùng quốc gia đó mà DOC cho là hợp lý. Ngoài ra, DOC cũng ban hành thứ tự ưu tiên cho việc sử dụng AFA trong các

cuộc rà soát hành chính với cách thức tương tự.

5.3. Bổ sung quy định cho phép bình luận về đơn đề nghị điều tra phạm vi sản phẩm/ chống lẩn tránh thuế PVTM

DOC cũng bổ sung quy định cho phép các bên liên quan (không phải nguyên đơn) bình luận, nhận xét về tính **đầy đủ và xác thực** của đơn đề nghị điều tra phạm vi sản phẩm và chống lẩn tránh là trong phạm vi 10 ngày sau khi nhận đơn. Ngoài ra, DOC cũng cho phép các bên liên quan nộp các thông tin thực tế trong vòng 10 ngày kể từ khi đơn đề nghị vụ việc chống lẩn tránh thuế PVTM được nộp và phía nguyên đơn có thể phản biện, làm rõ, điều chỉnh lại các thông tin thực tế đó trong vòng 05 ngày tiếp theo. Điều này giúp hồ sơ vụ việc có đầy đủ thông tin để DOC có thể xem xét quyết định khởi xướng vụ việc hay không.

Quy định này cho phép Chính phủ và doanh nghiệp có thể bình luận về tính hợp lệ, phản biện lại các thông tin trong đơn

kiện nhằm phản đối việc khởi xướng điều tra.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN CỦA QUY ĐỊNH PVTM MỚI CỦA HOA KỲ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Quy định mới của Hoa Kỳ có thể có những tác động dự kiến đối với Việt Nam như sau:

1. Khác với lần sửa đổi trước chủ yếu tập trung vào vấn đề quy trình thủ tục, các sửa đổi lần này của Hoa Kỳ sẽ có tác động mang tính hệ thống, lâu dài và sâu rộng đến các vụ việc điều tra PVTM của Hoa Kỳ với tất cả các nước, bao gồm cả có Việt Nam trong tương lai.

2. Việc sửa đổi quy định này có thể nhằm đón đầu cho việc gia tăng các vụ việc điều tra PVTM mới hoặc các vụ việc rà soát của Hoa Kỳ trong thời gian tới, đặc biệt là các vụ việc trợ cấp. Nếu như trước khi công bố dự thảo quy định mới, DOC mới tiến hành điều tra 8 vụ việc trợ cấp với Việt Nam (vụ cuối cùng khởi xướng năm 2020) thì kể từ khi công bố dự thảo mới (tháng 5 năm 2023) đến nay, DOC đã khởi xướng 03 vụ việc trợ cấp với tôm nước ấm đông lạnh, đĩa giấy và pin năng lượng mặt trời nhập khẩu từ Việt Nam. Đặc biệt, ngày 24 tháng 4 vừa qua, ngay khi quy định mới có hiệu lực, ngành sản xuất trong nước của Hoa Kỳ đã khởi kiện trợ cấp với pin năng lượng mặt trời để đón đầu quy định về trợ cấp xuyên quốc gia, theo đó cáo buộc các nhà sản xuất năng lượng mặt trời Việt Nam cũng được hưởng lợi từ trợ cấp trợ cấp xuyên quốc gia do chính phủ Trung Quốc cấp do các doanh nghiệp của Việt Nam xuất khẩu pin năng lượng mặt trời sang Hoa Kỳ chủ yếu là FDI Trung Quốc và Hoa Kỳ

đang áp thuế CTC với mặt hàng này của Trung Quốc. Trong các vụ việc trợ cấp, Chính phủ Việt Nam sẽ phải trả lời các bản câu hỏi của Hoa Kỳ liên quan đến bất kỳ chính sách nào bị cáo buộc là trợ cấp. Đây là gánh nặng lớn đối với các Bộ, ngành, địa phương liên quan vì nội dung hỏi của DOC thường rất nhiều, chi tiết và quy định thời hạn chặt chẽ. Việc trả lời không rõ ràng, không đầy đủ theo nhận định chủ quan của DOC hoặc không đúng hạn đều dẫn đến kết luận bất lợi cho Việt Nam.

3. Quy định sửa đổi về lựa chọn nước thay thế sẽ dẫn đến nguy cơ tăng biên độ phá giá của doanh nghiệp, tạo thêm gánh nặng chứng minh pháp lý đối với chính phủ và doanh nghiệp các nước xuất khẩu sang Hoa Kỳ, đặc biệt là những nước xuất siêu như Việt Nam, hiện đang là đối tượng trọng tâm trong các vụ việc điều tra PVTM của Hoa Kỳ.

4. Ở thời điểm hiện tại, do Việt Nam vẫn đang bị Hoa Kỳ coi là nước NME và bị áp dụng phương pháp tính toán biên độ phá giá cho các nước NME trong tất cả các vụ việc nên việc sửa đổi quy định về PMS chưa ảnh hưởng đến Việt Nam. Tuy nhiên, trong trường hợp Hoa Kỳ công nhận Việt Nam là nền KTTT, Hoa Kỳ vẫn có thể áp dụng quy định về PMS trên cơ sở cáo buộc của ngành sản xuất trong nước Hoa Kỳ để sử dụng nước và giá trị thay thế. Quy định mới cho phép DOC có nhiều quyền tự quyết về việc kết luận tổn hại tình hình thị trường đặc biệt. Điều này sẽ phần nào làm giảm hiệu quả của việc Hoa Kỳ công nhận Việt Nam là nền KTTT trong các vụ việc PVTM nếu thành công.

5. Quy định mới này không chỉ có tác động tới công tác ứng phó các vụ kiện PVTM mà Hoa Kỳ đang tiến hành đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, mà còn có thể ảnh hưởng đến hoạt động hoạch định chính sách do các chính sách cho vay, đầu tư, cấp phép các dự án đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài, các quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, quyền con người, môi trường, lao động đều có thể phải đối mặt với cáo buộc trợ cấp. Sự phức tạp và nghiêm ngặt ngày càng tăng của các quy định của Hoa Kỳ đòi hỏi các quốc gia xuất khẩu, trong đó có Việt Nam phải lưu ý khi ban hành chính sách liên quan. Doanh nghiệp có thể cần thay đổi chiến lược tìm nguồn cung ứng và sản xuất để tuân thủ các tiêu chuẩn CBPG và CTC khắt khe của Hoa Kỳ.

6. Ngoài ra, những quy định mới này có thể thúc đẩy các quốc gia khác xem xét các biện pháp bảo hộ tương đương, dẫn đến khả năng gia tăng bảo hộ thương mại toàn cầu. Điều này có thể dẫn đến các hành động trả đũa hoặc thiết lập các luật lệ tương tự, khi các quốc gia tìm cách bảo vệ ngành công nghiệp của mình khỏi sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, trong bối cảnh các hàng rào thuế quan và phi quan dần được xóa bỏ thông qua các cam kết WTO, FTA và Cơ quan Phúc thẩm giải quyết tranh chấp của WTO bị tê liệt./.

PHÙNG GIA ĐỨC



Đánh giá chính sách của Hoa Kỳ đối với năng lượng mặt trời

Giới thiệu

Các hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời (PV) sẽ đóng một vai trò quan trọng để Hoa Kỳ đạt được các mục tiêu về khí hậu và năng lượng. Các ưu điểm của năng lượng mặt trời như giá cả phù hợp, dễ lắp đặt và tính linh hoạt đã khiến chúng trở thành nguồn năng lượng điện phát triển nhanh nhất ở Hoa Kỳ. Việc chi phí của các tấm pin mặt trời giảm đáng kể trong những thập kỷ gần đây gắn liền với ngành công nghiệp năng lượng mặt trời đang phát triển của Trung Quốc. Để tránh sự phụ thuộc vào đối thủ chiến lược trong một công nghệ có tính chất chủ chốt, Hoa Kỳ đã áp dụng nhiều biện pháp thương mại khác nhau kể từ năm 2012 nhằm hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của pin Trung Quốc và bảo vệ ngành công nghiệp năng lượng mặt trời trong nước. Tuy nhiên, việc lẫn tránh thuế và tình trạng dư cung toàn cầu của Trung Quốc hiện đang đe dọa ngành sản xuất năng lượng mặt trời đang phát triển của Hoa Kỳ, mặc dù pin Trung Quốc chỉ còn chiếm chưa đến 1% lượng nhập khẩu pin mặt trời của Hoa Kỳ. Chính quyền Tổng thống Biden đã cam kết củng cố ngành sản xuất pin năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ, nhưng Hoa Kỳ cần có mục tiêu rõ ràng hơn cho chiến lược công nghiệp năng lượng mặt trời để tránh lãng phí ngân sách và gây bất lợi cho các mục tiêu về khí hậu của mình.

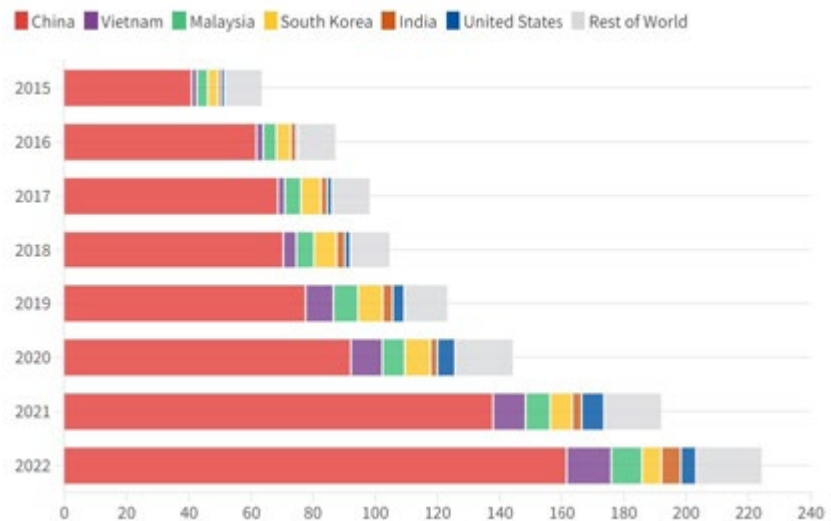
Xây dựng lại ngành công nghiệp năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ

Vào cuối những năm 1990, Hoa Kỳ là quốc gia sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, ngành

công nghiệp năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ đã bị Nhật Bản vượt qua, sau đó bị Đức vượt qua, và cuối cùng bị Trung Quốc vượt qua vào năm 2008. Vào thời điểm đó, giá thành trung bình cho pin năng lượng mặt trời là 4,40 USD mỗi watt. Ngày nay, Trung Quốc đang thống trị ngành sản xuất pin năng lượng mặt trời toàn cầu với hơn 80% thị phần, sản xuất ra các tấm pin có giá thành chỉ 0,10 USD mỗi watt (xem Hình 1).

Hình 1: Sản lượng tấm pin năng lượng mặt trời toàn cầu giai đoạn 2015-2022

Đơn vị: GW



Mặc dù Hoa Kỳ không có một chính sách công nghiệp năng lượng mặt trời dài hạn, nhất quán như của Trung Quốc, nhưng sự kết hợp giữa các biện pháp thuế quan, mục tiêu và những ưu đãi mà chính phủ Hoa Kỳ thiết lập trong vòng 15 năm qua ngày càng mang hình dáng của một chiến lược. Gói kích thích năm 2009 của Tổng thống Obama đã thiết lập chương trình Tín dụng Dự án Năng lượng Tiên tiến đủ tiêu chuẩn, khoảng một nửa trong số đó được phân bổ cho các cơ sở sản xuất năng lượng mặt trời. Nó cũng cấp vốn cho Văn phòng các Chương trình cho vay của Bộ Năng lượng, nơi đã thất bại khi mất 500 triệu USD bảo lãnh tín dụng cho công ty pin mặt trời màng mỏng Solyndra. Năm 2011, Bộ Năng lượng Hoa Kỳ đã phát động Sáng kiến SunShot nhằm tìm cách giảm 75% chi phí của các hệ thống năng lượng mặt trời vào năm 2020. Cuối cùng, những biện pháp này đã thất bại trong việc thúc đẩy ngành sản xuất năng lượng mặt trời tại Hoa Kỳ và trên thực tế, sự tăng trưởng của ngành công nghiệp năng lượng mặt trời Trung Quốc đã thúc đẩy việc giảm giá đáng kể cho các tấm pin mặt trời trong giai đoạn này.

Một thập kỷ sau, chính quyền của Tổng thống Biden bắt đầu thực hiện chiến lược công nghiệp năng lượng mặt trời một cách nghiêm túc, với việc Bộ Năng lượng cam kết giảm một nửa chi phí điện mặt trời vào năm 2030, tăng công suất sản xuất thêm 1 gigawatt mỗi năm và đảm bảo rằng 40% giá trị của hạ tầng cứng các hệ thống năng lượng mặt trời được lắp đặt sẽ được sản xuất trong nước. Đạo luật Việc làm và Đầu tư Cơ sở hạ tầng (IIJA) và chương trình Tín dụng thuế sản xuất và nghiên cứu phát triển năng lượng mặt trời của Đạo luật Giảm lạm phát (IRA) đang giúp việc sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời



quy mô lớn của Hoa Kỳ trở nên khả thi về mặt kinh tế. Kể từ khi IRA được thông qua vào năm 2022, 49 dự án sản xuất năng lượng mặt trời mới đã được công bố trên toàn chuỗi giá trị, bao gồm một số khoản đầu tư của các công ty Trung Quốc như Longi, Trina và Jinko Solar (xem Hình 2). Một báo cáo của Tập đoàn Tư vấn Boston năm 2023 ước tính rằng các quy định về năng lượng mặt trời của IRA có thể khiến các tấm pin năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ rẻ hơn 25–40% so với hàng nhập khẩu.

Hình 2: Một số dự án đầu tư sản xuất pin năng lượng mặt trời tại Hoa Kỳ theo địa điểm của trụ sở chính

Đơn vị: GW



Bất chấp những nỗ lực này, ngành năng lượng mặt trời của Mỹ vẫn tụt hậu so với Trung Quốc. Vào năm 2023, giá thành của các tấm pin mặt trời của Trung Quốc đã giảm 42% nhờ sự kết hợp giữa hỗ

trợ của nhà nước, sự đổi mới thực sự và việc sản xuất dư thừa, khiến chúng rẻ hơn 44% so với các tấm pin do Mỹ sản xuất. Ngoài ra, các nhà sản xuất Trung Quốc đang đi đầu trong việc đổi mới, với các công ty như JinkoSolar và Longi thường xuyên lập kỷ lục mới về hiệu suất pin. Ngày nay, công suất sản xuất của Mỹ là 26 gigawatt, so với công suất trên 1 terawatt (1.000 gigawatt) của Trung Quốc. Tuy vậy, chính quyền của Tổng thống Biden vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ để hỗ trợ các cơ sở sản xuất của Hoa Kỳ trước sự cạnh tranh của Trung Quốc.

Giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc

Mặc dù “giảm rủi ro” chỉ mới được đưa vào từ điển của các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ gần đây, nhưng những nỗ lực nhằm giảm sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng năng lượng mặt trời của Trung Quốc đã có từ hơn một thập kỷ trước. Hiện tại, các tấm pin mặt trời từ Trung Quốc phải đối mặt với một số rào cản thương mại: thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp, các mức thuế nhập khẩu theo Điều 201 và Điều 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974 cũng như các hạn chế theo Đạo luật Ngăn chặn lao động cưỡng bức người Duy Ngô Nhĩ (UFLPA).

Năm 2012, cuộc điều tra chống bán phá giá của chính quyền Tổng thống Obama đã dẫn đến mức thuế làm giảm nhập khẩu pin năng lượng mặt trời của Trung Quốc từ 50% xuống 15% vào năm 2018

(xem Hình 3). Do đó, các nhà sản xuất Trung Quốc đã chuyển hoạt động sản xuất sang Đông Nam Á, ban đầu tập trung vào lắp ráp mô-đun và gần đây hơn là đầu tư vào sản xuất tấm bán dẫn và tế bào quang điện. Chỉ đến năm 2023, khi gần 80% lượng nhập khẩu pin năng lượng mặt trời nhập khẩu là từ Đông Nam Á, Bộ Thương mại Hoa Kỳ mới đưa ra quyết định rằng phần lớn giá trị gia tăng trong các tấm pin do một số công ty sản xuất ở Đông Nam Á là của Trung Quốc, và do đó phải chịu các mức thuế chống bán phá giá hiện hành.

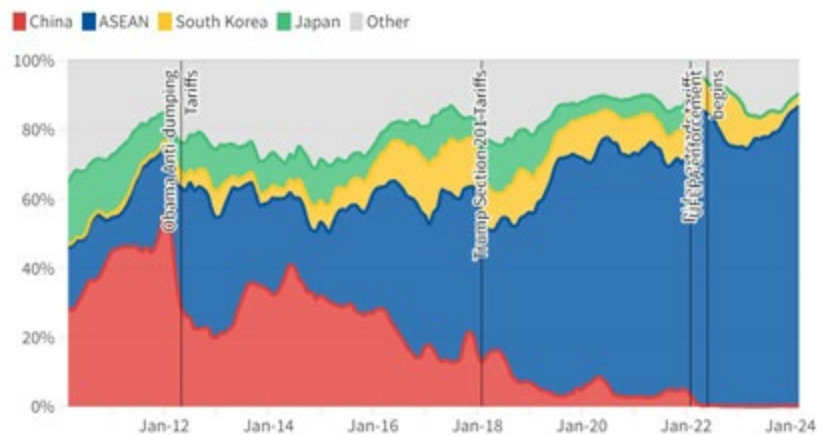
Năm 2018, chính quyền Tổng thống Trump đã đưa ra một loạt các biện pháp thuế mới sử dụng cơ chế quy định tại Điều 201 của Đạo luật Thương mại 1974 nhằm có biện pháp hỗ trợ tạm thời để



cho phép ngành công nghiệp trong nước điều chỉnh trước tình trạng nhập khẩu gia tăng. Không giống như các mức thuế chống bán phá giá trước đây, các mức thuế tự vệ theo Điều 201 có tính chất toàn cầu. Tuy nhiên, chính quyền đã cho phép loại trừ các tấm pin mặt trời hai mặt, loại pin này sau này trở thành mặt hàng nhập khẩu chính của Hoa Kỳ.

Chính quyền Tổng thống Biden đã gia hạn các mức thuế này đồng thời đặt ra một “cầu nối chuyển tiếp” kéo dài 24 tháng để cho phép việc nhập khẩu từ Đông Nam Á để triển khai các dự án năng lượng mặt trời ở Hoa Kỳ, nhấn mạnh việc nhập khẩu từ các quốc gia đó đã trở thành trọng tâm như thế nào đối với các nhà lắp đặt trong nước, vốn đã vận động hành lang cho việc miễn trừ. Trong giai đoạn này, hàng nhập khẩu từ Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Việt Nam được miễn trừ khỏi cả thuế chống bán phá giá và thuế tự vệ theo Điều 201. Vào tháng 5 năm nay, giai đoạn cầu nối chuyển tiếp chính thức kết thúc, khiến phần lớn nhập khẩu tế bào quang điện và tấm pin năng lượng mặt trời vào Hoa Kỳ phải chịu mức thuế 14,25%.

Hình 3: Thị phần nhập khẩu pin năng lượng mặt trời vào Hoa Kỳ



Đạo luật Ngăn chặn lao động cưỡng bức người Duy Ngô Nhĩ (UFLPA) 2021 hạn chế hơn nữa các tấm pin năng lượng mặt trời của Trung Quốc do hoạt động sản xuất silicon đa tinh thể tập trung ở Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương. Một số nhà sản xuất silicon, chẳng hạn như Hoshine, Daqo và GCL, được liệt kê trong Danh sách thực thể UFLPA. Vì Trung Quốc là nhà sản xuất tấm bán dẫn silicon đa tinh thể ưu việt trên toàn cầu nên các tấm pin năng lượng mặt trời nhập khẩu từ Đông Nam Á cũng phải đối mặt với sự giám sát chặt chẽ. Trên thực tế, theo Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ, phần lớn các lô hàng bị từ chối nhập cảnh theo UFLPA đều đến từ Đông Nam Á, chủ yếu là từ Ma-lai-xi-a, Việt Nam và Thái Lan.

Chính quyền Tổng thống Biden cũng đưa tế bào quang điện và tấm pin năng lượng mặt trời vào đối tượng chịu thuế theo Điều 301 của Đạo luật Thương mại 1974 được công bố gần đây, với lý do cần phải bảo vệ các khoản đầu tư trong nước theo IRA. Nhìn chung, các biện pháp này đã loại bỏ một cách hiệu quả việc nhập khẩu trực tiếp các tấm pin năng lượng mặt trời của Trung Quốc vào Hoa Kỳ và gần đây đã hạn chế đáng kể khả năng tiếp cận của các công ty Trung Quốc xuất khẩu thông qua Đông Nam Á vào thị trường Hoa Kỳ.

Những cân nhắc chính

Bất kể kết quả của cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 11 như thế nào, thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với các tấm pin năng lượng mặt trời của Trung Quốc có thể sẽ vẫn được giữ nguyên. Ông Ali Zaidi, Cố vấn khí hậu quốc gia của Tổng thống Biden, biện minh cho các biện pháp trừng phạt thương mại của chính quyền đối với công nghệ năng lượng sạch của Trung Quốc khi cho rằng “rủi ro chuỗi cung ứng là rủi ro khí hậu”. Sau khi chính quyền Tổng thống Biden công bố mức thuế mới theo Điều 301, cựu Tổng thống Trump đã nhận xét rằng lẽ ra Tổng thống Biden nên áp dụng mức thuế cao hơn đối với nhiều hàng hóa hơn. Tương lai của các khoản trợ cấp cho chính sách công nghiệp năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ ít chắc chắn hơn, đặc biệt là các khoản trợ cấp do IRA thiết lập. Tuy nhiên, khi Hoa Kỳ tiếp tục giảm thiểu rủi ro đối với chuỗi cung ứng năng lượng mặt trời của mình trước tác động từ Trung Quốc và phát triển ngành năng lượng



mặt trời, điều quan trọng là phải xem xét sự hệ quả của các mức thuế và các khoản trợ cấp này.

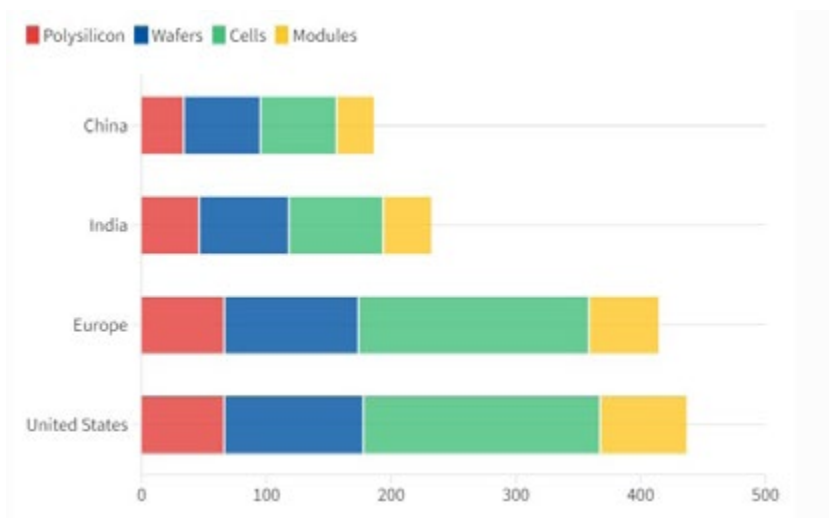
Chi phí của thuế quan và trợ cấp

Pin năng lượng mặt trời, được ngành công nghiệp năng lượng mặt trời Trung Quốc cung cấp với giá cả hợp lý, hiện là một trong những nguồn phát điện rẻ nhất và phát triển nhanh nhất tại Hoa Kỳ cũng như trên toàn cầu. Thuế quan được thiết lập bởi ba chính quyền gần đây nhất và các khoản trợ cấp của IIJA và IRA có thể thu hẹp khoảng cách giá 44% giữa các tấm pin mặt trời của Hoa Kỳ và Trung Quốc (Xem Hình 4). Tuy nhiên, những cơ chế này rất tốn kém và cuối cùng người nộp thuế ở Hoa Kỳ sẽ phải gánh chịu. Hơn nữa, những thay

đổi trong chính sách công nghiệp năng lượng mặt trời giữa các chính quyền sẽ tạo ra lực cản kinh tế do nguồn vốn bị mắc kẹt và có khả năng cản trở đầu tư vào lĩnh vực này.

Hình 4: Ước tính chi phí vốn không tính lãi phải trả trên một đơn vị sản phẩm đối với các nhà máy sản xuất pin mặt trời tại một số quốc gia/khu vực

Đơn vị: USD/kW



Quá trình giảm khí thải các-bon chậm hơn

Sự phổ biến toàn cầu của các tấm pin mặt trời chất lượng cao, chi phí thấp của Trung Quốc đã hỗ trợ các nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhận thấy những rủi ro về an ninh kinh tế và nhân quyền liên quan đến chuỗi cung ứng năng lượng mặt trời của Trung Quốc, các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ gần như đã loại bỏ hàng nhập khẩu trực tiếp từ Trung Quốc và thiết lập các rào cản cao đối với hàng nhập khẩu từ các quốc gia Đông Nam Á. Năm ngoái, Hoa Kỳ đã nhập khẩu pin năng lượng mặt trời với lượng gấp 8 lần lượng pin mặt trời mà Hoa Kỳ sản xuất, với gần 80% trong số đó đến từ các quốc gia Đông Nam Á. Sẽ cần thời gian để sản xuất trong nước và sản xuất tại nước ngoài tuân thủ các biện pháp thuế quan có thể tăng tốc nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường Hoa Kỳ khi nhu cầu này đã tăng gấp đôi so với hai năm trước. Trong khi Hoa Kỳ biện minh cho chiến lược công nghiệp năng lượng mặt trời của mình bằng những lo ngại về nhân quyền và an ninh kinh tế, rõ ràng việc sử dụng các tấm pin mặt trời của Trung Quốc sẽ mang lại một lộ trình nhanh hơn và rẻ hơn để giảm khí thải các-bon cho nền kinh tế Hoa Kỳ.

Mục tiêu cuối cùng cho chính sách công nghiệp năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ là gì?

Chính quyền Tổng thống Biden đã đặt ra mục tiêu giảm khí thải các-bon cho ngành điện Hoa Kỳ cũng như các mục tiêu về năng lực sản xuất năng lượng mặt trời trong nước. Khó có khả năng Hoa Kỳ có thể cạnh tranh với Trung Quốc với tư cách là

nhà sản xuất năng lượng mặt trời, vì công suất năng lượng mặt trời của Trung Quốc đã tăng từ 198 gigawatt vào đầu năm 2022 lên hơn 1 terawatt (1.000 gigawatt) hiện nay. Tuy nhiên, do Hoa Kỳ đã loại bỏ một cách hiệu quả việc nhập khẩu trực tiếp tấm pin năng lượng mặt trời từ Trung Quốc, câu hỏi cấp bách hơn mà các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ phải đối mặt là việc nhập khẩu tấm pin năng lượng mặt trời có nguồn gốc Trung Quốc từ các quốc gia Đông Nam Á. Điều này đặt ra câu hỏi: Liệu các nhà sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời nước ngoài khi họ đã giảm sự tham gia vào chuỗi cung ứng của Trung Quốc có thể có vai trò trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng mặt trời của Hoa Kỳ hay không?

Các nhà hoạch định chính sách của Hoa Kỳ nên nêu rõ các mục tiêu và nguyên tắc của chính sách công nghiệp năng lượng mặt trời. Chẳng hạn, mục đích chính của ngành năng lượng mặt trời Hoa Kỳ có phải là đáp ứng nhu cầu trong nước không? Liệu sự hợp tác giữa các công ty Hoa Kỳ và Trung Quốc để sản xuất các tấm pin năng lượng mặt trời trên đất Hoa Kỳ có phù hợp với tầm nhìn theo định hướng an ninh kinh tế này hay không? Mục tiêu của Bộ Năng lượng Hoa Kỳ đưa ra là 40% giá trị hạ tầng cứng các hệ thống năng lượng mặt trời được sản xuất trong nước được xác định trên cơ sở tất cả các tấm pin mặt trời được lắp đặt hay được xác định trên cơ sở giá trị của một tấm pin năng lượng mặt trời?

Kết luận

Chính quyền Tổng thống Biden đang đánh cược rằng các biện pháp bảo hộ thương mại chống lại pin năng lượng mặt trời

của Trung Quốc và các khoản trợ cấp đáng kể cho ngành năng lượng mặt trời trong nước sẽ giúp Hoa Kỳ đạt được các mục tiêu về khí hậu đồng thời bảo vệ an ninh kinh tế của mình. Để nâng cao khả năng thành công của chiến lược này, các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ trước tiên nên thừa nhận rằng mặc dù vấn đề khí hậu và an ninh kinh tế cuối cùng sẽ củng cố lẫn nhau, nhưng thực tế vẫn có những sự đánh đổi trong tương lai gần. Triển khai năng lượng sạch là ưu tiên quốc gia nhưng an ninh kinh tế cũng là điều kiện cần thiết. Các nhà hoạch định chính sách cũng sẽ cần phải sẵn sàng thực hiện các điều chỉnh. Trong những điều kiện nào thì Hoa Kỳ sẽ xem xét lại các chính sách công nghiệp năng lượng mặt trời của mình hoặc thúc đẩy chúng hơn nữa? Bằng cách xác định rõ ràng hơn các mục tiêu của chính sách năng lượng mặt trời và sẵn sàng tìm hiểu điều gì hiệu quả và điều gì không, Hoa Kỳ có thể đạt được, thay vì cản trở, các mục tiêu chiến lược của mình.



Quy định và thực tiễn thực hiện rà soát cuối kỳ biện pháp chống bán phá giá của Hoa Kỳ

Khởi xướng rà soát cuối kỳ

Bộ Thương mại Hoa Kỳ phải khởi xướng rà soát cuối kỳ đối với mỗi biện pháp CBPG/CTC không chậm hơn 30 ngày trước khi tròn 5 năm kể từ ngày công bố biện pháp CBPG/CTC trên Công báo Liên bang. Trong thực tiễn, Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố thông báo về việc rà soát cuối kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của tháng có ngày kỷ niệm 5 năm công bố biện pháp áp dụng. Sau khi thực hiện rà soát cuối kỳ lần thứ nhất, các lần rà soát cuối kỳ tiếp theo phải được ghi rõ trong Công báo Liên bang (chẳng hạn như kỳ rà soát 10 năm là “rà soát cuối kỳ lần thứ hai”, rà soát 15 năm là “rà soát cuối kỳ lần thứ ba”,...). Đối với các biện pháp CBPG/CTC áp dụng cho cùng một loại hàng hóa nhưng thời điểm áp dụng rơi vào các tháng khác nhau, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ gộp lại để khởi xướng rà soát chung căn cứ ngày khởi xướng rà soát sớm nhất của các biện pháp.

Bên cạnh việc thông báo khởi xướng rà soát cuối kỳ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ thực hiện chính sách đưa ra thông báo trước 1 tháng trên Công báo Liên bang để các bên liên quan biết và theo dõi việc rà soát cuối kỳ sắp được khởi xướng. Mặc dù việc đưa ra thông báo này không có quy định trong luật, Bộ Thương mại Hoa Kỳ thực hiện việc đó nhằm hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp. Cũng nhằm hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp, trong thông báo khởi xướng rà soát, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ đưa ra hướng dẫn để truy cập các thông tin tóm tắt về vụ việc, các mốc thời gian của rà soát cuối kỳ, các quy định liên quan và danh sách các bên nhận thông tin.

Tham gia vào vụ việc rà soát cuối kỳ

1. Các bên liên quan

Thông báo khởi xướng rà soát đăng trên Công báo Liên bang sẽ yêu cầu các bên liên quan liên hệ với Bộ Thương mại Hoa Kỳ bằng văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng thông báo nếu họ muốn được công nhận là bên liên quan trong vụ việc rà soát. Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ lập danh sách các bên liên quan trong vụ việc rà soát cuối kỳ trên cơ sở những bên liên quan đã liên hệ với Bộ Thương mại Hoa Kỳ và công khai danh sách này trên website của Bộ Thương mại.

2. Thông báo về ý định tham gia

Thông báo khởi xướng rà soát đăng trên Công báo Liên bang sẽ yêu cầu các bên liên quan là doanh nghiệp sản xuất trong nước nộp một *thông báo về ý định tham gia* vụ việc rà soát cuối kỳ cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng. Thông báo về ý định tham gia của bên liên quan là doanh nghiệp sản xuất trong nước cần phải bao gồm một số thông tin bắt buộc trong quy định do Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành. Doanh nghiệp sản xuất trong nước phải nộp *thông báo về ý định tham gia* với đầy đủ thông tin theo yêu cầu thì mới có thể tham gia vào vụ việc rà soát cuối kỳ. Bất kỳ doanh nghiệp sản xuất trong nước nào nếu không nộp *thông báo về ý định tham gia* được xem là không sẵn sàng tham gia và vì thế Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận bất kỳ tài liệu nào mà doanh nghiệp đó nộp cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong quá trình thực hiện rà soát cuối kỳ. Nếu không có doanh nghiệp sản xuất trong nước nào nộp *thông*

báo về ý định tham gia đúng hạn, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ ban hành kết luận cuối cùng về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC trong vòng 90 ngày kể từ ngày khởi xướng rà soát.

Trong vòng 20 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về tình hình đăng ký tham gia của các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

3. Từ chối tham gia

*Các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin*¹ không cần phải nộp thông báo về ý định tham gia. Tuy nhiên, các bên liên quan này có thể từ chối tham gia trong một vụ việc rà soát cuối kỳ trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát. Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận bất kỳ tài liệu nào từ các bên liên quan đó trong quá trình thực hiện rà soát. Văn bản từ chối tham gia phải bao gồm một tuyên bố thể hiện *bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin* có khả năng bán phá giá (hoặc nhận được lợi ích từ trợ cấp) nếu lệnh áp thuế được hủy bỏ hoặc cam kết giá chấm dứt. Khi một chính phủ nước ngoài từ chối tham gia một vụ việc rà soát cuối kỳ biện pháp chống trợ cấp, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ kết luận rằng *các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin* không cung cấp thông tin đầy đủ do sự từ chối của chính phủ nước ngoài và sẽ thực hiện quy trình rà soát cuối kỳ rút gọn.

4. Cung cấp thông tin trọng yếu

Nếu Bộ Thương mại Hoa Kỳ nhận được *thông báo về ý định*

¹ Các bên liên quan này có thể là doanh nghiệp nhập khẩu của Hoa Kỳ, doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu nước ngoài, chính phủ nước ngoài

tham gia với thông tin phù hợp, tất cả các bên muốn tham gia vào quá trình rà soát cuối kỳ cần phải cung cấp các thông tin trọng yếu cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát. Các thông tin trọng yếu cần cung cấp phải bao gồm những thông tin trong quy định do Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành. Tùy thuộc vào bên liên quan, một số thông tin được yêu cầu cung cấp có thể khác nhau. Các bên liên quan có thể nộp ý kiến phản biện đối với những thông tin trọng yếu mà các bên liên quan khác đã cung cấp trong vòng 5 ngày kể từ khi các thông tin này được nộp cho Bộ Thương mại.

Bộ Thương mại Hoa Kỳ cần xác định tính đầy đủ của các thông tin trọng yếu mà doanh nghiệp sản xuất trong nước và các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin đã nộp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ xác định thông tin là đủ nếu ít nhất một doanh nghiệp sản xuất trong nước nộp đủ thông tin trọng yếu theo yêu cầu. Đối với các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ xác định thông tin là đủ nếu các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin nộp đủ thông tin trọng yếu theo yêu cầu và các bên liên quan này chiếm trên 50% lượng xuất khẩu (hoặc kim ngạch xuất khẩu, nếu việc xem xét này là phù hợp) của hàng hóa là đối tượng rà soát vào Hoa Kỳ trong thời kỳ rà soát cuối kỳ.² Trong trường hợp không có dữ liệu nhập khẩu từ một quốc gia, Bộ Thương mại Hoa Kỳ

thông thường xác định rằng các thông tin do bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin nộp là chưa đủ.

Theo quy trình, Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành kết luận về tính đầy đủ của các thông tin trọng yếu dưới hình thức một văn bản xác định tính đầy đủ của thông tin trong hồ sơ vụ việc. Văn bản này không cần thiết trong trường hợp các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin không cung cấp thông tin trọng yếu. Nếu các thông tin trọng yếu là đủ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ tiến hành thủ tục rà soát cuối kỳ đầy đủ. Nếu thông tin trọng yếu của các doanh nghiệp sản xuất trong nước không đủ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ ban hành kết luận cuối cùng về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC trong vòng 90 ngày kể từ ngày thông báo khởi xướng rà soát. Nếu thông tin trọng yếu của các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin không đủ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ tiến hành thủ tục rà soát cuối kỳ rút gọn và ban hành kết luận cuối cùng trong vòng 120 ngày kể từ ngày thông báo khởi xướng rà soát.

Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về kết quả xác định tính đầy đủ của các thông tin trọng yếu. Trong trường hợp thông tin trọng yếu của các doanh nghiệp sản xuất trong nước không đủ, thông báo này sẽ được thực hiện trong vòng 40 ngày kể từ ngày thông báo khởi xướng rà soát. Trong trường hợp thông tin trọng yếu của các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin không đủ, thông báo này sẽ được thực hiện trong vòng 50 ngày kể từ ngày thông báo khởi xướng rà soát.

Kết quả sơ bộ của vụ việc rà soát cuối kỳ

Nếu như cả các doanh nghiệp sản xuất trong nước và bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin đều đã nộp đủ thông tin trọng yếu, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ tiến hành thủ tục rà soát cuối kỳ đầy đủ và thông thường ban hành kết luận sơ bộ trong vòng 110 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát. Kết luận sơ bộ chỉ được ban hành trong trường hợp tiến hành thủ tục rà soát cuối kỳ đầy đủ, thủ tục rà soát cuối kỳ rút gọn sẽ không có kết luận sơ bộ mà chỉ có kết luận cuối cùng. Khi có kết quả sơ bộ, các tài liệu sau sẽ được công bố: 1) một thông báo trên Công báo Liên bang (do Trợ lý Bộ trưởng phụ trách quản lý nhập khẩu ký); and 2) một báo cáo kết luận rà soát sơ bộ (do Phó Trợ lý Bộ trưởng phụ trách hoạt động điều tra CBPG/CTC thuộc Cục Quản lý nhập khẩu (đối với rà soát lệnh áp thuế) hoặc Phó Trợ lý Bộ trưởng phụ trách chính sách và đàm phán (đối với rà soát cam kết thuế) gửi Trợ lý Bộ trưởng phụ trách quản lý nhập khẩu). Kết luận sơ bộ phân tích đánh giá về (1) khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá; (2) độ lớn của biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra và (3) các vấn đề khác được các bên liên quan đưa ra trong thông tin trọng yếu của họ và các ý kiến phản biện.

1. Khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá

Khi xác định liệu việc hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC có khả năng dẫn đến tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hay không, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ xem xét biên độ bán phá giá đã được xác lập

² Nhập khẩu bởi các công ty đã được loại trừ hoặc không thuộc đối tượng của lệnh áp thuế sẽ không được tính đến trong thống kê tổng nhập khẩu khi xác định về tính đầy đủ của thông tin.



tại vụ việc điều tra ban đầu và/hoặc tại các lần rà soát được thực hiện trong thời kỳ rà soát cuối kỳ cũng như lượng nhập khẩu trong các giai đoạn trước và sau khi áp dụng biện pháp CBPG/CTC. Bộ Thương mại Hoa Kỳ cũng có thể xem xét các yếu tố kinh tế khác nếu bên liên quan có thể chứng minh được lý do hợp lý. Các lập luận về lý do hợp lý cần phải được nộp trong bản thông tin trọng yếu mà bên liên quan cung cấp, không được nộp chậm hơn.

Để xác định mức biên độ bán phá giá/mức trợ cấp được tính toán trước đây có đủ là bằng chứng cho hành vi trong tương lai hay không, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ xem xét đến lượng nhập khẩu. Khi so sánh lượng

nhập khẩu của hàng hóa là đối tượng rà soát trong thời kỳ rà soát kéo dài 5 năm, Bộ Thương mại Hoa Kỳ thường so sánh với lượng nhập khẩu của thời điểm một năm trước khi khởi xướng điều tra vụ việc ban đầu (không phải là một năm trước khi áp dụng biện pháp). Lý do cho thực tiễn này là việc khởi xướng điều tra có thể ngay lập tức có tác động đến nhập khẩu và làm sai lệch việc so sánh.

Xác định có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá

Thông thường, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ kết luận những tình huống sau sẽ dẫn đến khả năng cao tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá: 1) hành vi

bán phá giá vẫn tiếp tục diễn ra ở mức độ trên mức tối thiểu (de minimis) sau khi áp dụng biện pháp CBPG/CTC; (2) nhập khẩu hàng hóa là đối tượng áp dụng của biện pháp chấm dứt sau khi áp dụng biện pháp CBPG/CTC; hoặc (3) hành vi bán phá giá được loại bỏ sau khi áp dụng biện pháp CBPG/CTC và lượng nhập khẩu hàng hóa là đối tượng áp dụng của biện pháp giảm.

Nếu các công ty tiếp tục bán phá giá sau khi biện pháp CBPG/CTC có hiệu lực, có cơ sở để cho rằng hành vi bán phá giá sẽ tiếp tục diễn ra nếu như lệnh áp thuế được hủy bỏ. Nếu nhập khẩu chấm dứt sau khi biện pháp CBPG/CTC được áp dụng, có cơ sở để cho rằng các doanh nghiệp xuất khẩu phải bán phá

giá để bán được lượng hàng hóa như tại thời điểm trước khi biện pháp CBPG/CTC có hiệu lực và sẽ tái diễn thực hiện hành vi đó để quay lại thị trường. Tương tự như vậy, nếu hành vi bán phá giá được loại bỏ và nhập khẩu giảm sau khi ban hành lệnh áp thuế hoặc thỏa thuận cam kết giá, có cơ sở để cho rằng đó là kết quả của biện pháp CBPG/CTC và việc hủy bỏ chúng sẽ dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá. Tất nhiên, mặc dù những tình huống này có khả năng cao sẽ xảy ra, chúng không mang tính khẳng định tuyệt đối và các bên liên quan có thể cung cấp những bằng chứng để chứng minh điều ngược lại. Thêm vào đó, đánh giá về khả năng tiếp tục hoặc tái diễn bán phá giá được thực hiện trên cơ sở tổng thể cả biện pháp. Nếu chỉ một công ty

bị kết luận là có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá, kết luận sẽ áp dụng đối với toàn bộ vụ việc.

Xác định không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá

Thông thường, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ kết luận rằng có khả năng cao không có sự tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá khi biên độ bán phá giá giảm hoặc không còn bán phá giá đi kèm với lượng nhập khẩu ổn định hoặc tăng dần. Tình huống này có thể cho thấy các công ty nước ngoài không cần phải bán phá giá để duy trì thị phần tại thị trường Hoa Kỳ và hành vi bán phá giá khó có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn nếu như lệnh áp thuế hoặc thỏa thuận cam kết giá được hủy bỏ. Tuy nhiên, đã có

vụ việc trong đó mặc dù có biên độ bán phá giá là 0% và nhập khẩu tăng đáng kể, Bộ Thương mại Hoa Kỳ vẫn xác định có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá. Trong vụ việc này không có sự tham gia của bất kỳ bên liên quan bắt buộc nào cũng như không có dữ liệu cụ thể của công ty. Cần lưu ý rằng chỉ riêng việc biên độ bán phá giá giảm nhìn chung là không đủ để kết luận rằng không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá vì sự tồn tại của biên độ bán phá giá ở bất kỳ mức nào trên mức tối thiểu (de minimis) trong giai đoạn rà soát 5 năm đều cho thấy có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá.

2. Độ lớn của biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra



Khi xác định độ lớn của biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra khi lệnh áp thuế được hủy bỏ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ thông thường chọn biên độ phá giá trong kết luận cuối cùng của vụ việc điều tra ban đầu vì đó là biên độ bán phá giá duy nhất được tính toán phản ánh hành vi của doanh nghiệp xuất khẩu khi chưa có biện pháp CBPG/CTC. Trong một số trường hợp, Bộ Thương mại Hoa Kỳ có thể sử dụng biên độ từ kết luận sơ bộ của vụ việc điều tra ban đầu (ví dụ như trong trường hợp cam kết giá được chấp nhận, vụ việc điều tra tạm ngừng và không ban hành kết luận cuối cùng vì không có yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp).

Tuy nhiên Bộ Thương mại Hoa Kỳ có thể sử dụng biên độ bán phá giá được tính toán tại thời điểm gần hơn nếu như điều này là phù hợp. Chẳng hạn như trong một số vụ việc rà soát, biên độ bán phá giá giảm (hoặc không bán phá giá) đi kèm với lượng nhập khẩu ổn định hoặc tăng dần vẫn có thể dẫn đến kết luận rằng doanh nghiệp xuất khẩu có khả năng tiếp tục bán phá giá với biên độ thấp.³ Trong một trường hợp khác, Bộ Thương mại Hoa Kỳ có thể sử dụng biên độ bán phá giá được xác định trong một kỳ rà soát trước đó khi biên độ bán phá giá tăng lên. Điều này mang tính chất đại diện hơn cho hành vi của một công ty trong trường hợp không có lệnh áp thuế (ví dụ như khi một công ty gia tăng bán phá giá để duy trì hoặc chiếm lĩnh thị phần kể cả

khi bị áp dụng lệnh áp thuế). Bộ Thương mại Hoa Kỳ có thể sử dụng biên độ bán phá giá tăng khi đó là kết quả của việc áp dụng dữ liệu sẵn có.

Vấn đề giảm hiệu quả của thuế CBPG đang có hiệu lực có thể xảy ra trong một số vụ việc rà soát cuối kỳ nếu như vấn đề này xuất hiện trong một vụ việc rà soát hành chính diễn ra cùng với vụ việc rà soát cuối kỳ. Về cơ bản, việc giảm hiệu quả của thuế CBPG đang có hiệu lực xảy ra khi tác động của thuế CBPG được doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài triệt tiêu bằng cách giảm giá khiến giá của hàng hóa là đối tượng áp dụng của biện pháp khi đến tay một doanh nghiệp nhập khẩu liên kết tại thị trường Hoa Kỳ vẫn giữ nguyên. Bằng chứng về việc giảm hiệu quả của thuế CBPG là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy biên độ do Bộ Thương mại Hoa Kỳ tính toán trong vụ việc rà soát không tương đương với biên độ bán phá giá sẽ xảy ra khi không có lệnh áp thuế. Vì thế, Bộ Thương mại Hoa Kỳ thường điều chỉnh tăng biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra thêm một mức bằng với giá trị triệt tiêu tác động của thuế CBPG đối với những giao dịch mà Bộ Thương mại Hoa Kỳ xác định có hành vi cố tình làm giảm hiệu quả của thuế CBPG.

Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế độ lớn của biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra nếu như hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC. Thông báo này có thể tìm thấy trên Công báo Liên bang (Federal Register notice) và kết luận điều tra, trong đó bao gồm thông tin về lịch sử các vụ việc rà soát và phán quyết có liên quan, danh

sách các doanh nghiệp được loại trừ khỏi lệnh áp thuế do không bán phá giá hoặc biên độ bán phá giá dưới mức tối thiểu, các doanh nghiệp được đưa ra khỏi lệnh áp thuế trong quá trình rà soát, mức thuế suất toàn quốc.

Kết quả cuối cùng của vụ việc rà soát cuối kỳ

Trong một vụ việc rà soát cuối kỳ đầy đủ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ đưa ra kết luận cuối cùng trong vòng 240 ngày kể từ khi khởi xướng rà soát. Thời hạn này có thể được gia hạn thêm không quá 90 ngày nếu như Bộ Thương mại Hoa Kỳ cho rằng vụ việc quá phức tạp.

Trong một vụ việc rà soát cuối kỳ đầy đủ, khi có kết quả cuối cùng, các tài liệu sau sẽ được công bố: 1) một thông báo trên Công báo Liên bang (do Trợ lý Bộ trưởng phụ trách quản lý nhập khẩu ký); and 2) một báo cáo kết luận rà soát (do Phó Trợ lý Bộ trưởng phụ trách hoạt động điều tra CBPG/CTC thuộc Cục Quản lý nhập khẩu (đối với rà soát lệnh áp thuế) hoặc Phó Trợ lý Bộ trưởng phụ trách chính sách và đàm phán (đối với rà soát cam kết thuế) gửi Trợ lý Bộ trưởng phụ trách quản lý nhập khẩu) phân tích các vấn đề được đưa ra trong vụ việc và tóm tắt những ý kiến phản biện cũng như kết quả thẩm tra, nếu có, và đưa ra đánh giá kết luận về khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá và độ lớn của biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra.

1. Thẩm tra

Bộ Thương mại Hoa Kỳ thông thường chỉ thực hiện việc thẩm tra thông tin trong một vụ việc rà soát cuối kỳ khi kết quả rà soát sơ bộ không dựa trên biên độ bán phá giá trong vụ

³ Mặc dù Bộ Thương mại thường kết luận rằng có khả năng cao không có sự tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá khi biên độ bán phá giá giảm hoặc không còn bán phá giá đi kèm với lượng nhập khẩu ổn định hoặc tăng dần (xem mục b. Xác định không có khả năng), bằng chứng như trong các vụ việc này cho thấy kết luận ngược lại.

việc điều tra ban đầu hoặc các vụ việc rà soát sau đó (có nghĩa là khi kết quả rà soát sơ bộ cho rằng không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá). Tuy nhiên, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã từng tiến hành thẩm tra trong một số vụ việc rà soát cuối kỳ rút gọn. Thẩm tra thông thường được tiến hành ngay sau khi có kết quả sơ bộ, khoảng 120 ngày sau khi công bố thông báo về việc khởi xướng rà soát. Mặc dù thẩm tra thông thường không được thực hiện trong các vụ việc rà soát cuối kỳ đầy đủ, có một số vụ việc rà soát vẫn có hoạt động thẩm tra.

2. Tóm tắt ý kiến và tham vấn

Các bên liên quan có thể nộp tóm tắt ý kiến của mình đối với kết quả cuối cùng của vụ việc rà soát cuối kỳ trong thời hạn do Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra. Phản biện của các bên đối với những ý kiến này có thể được nộp trong vòng 5 ngày sau đó, trừ trường hợp Bộ Thương mại Hoa Kỳ có quy định khác. Bên cạnh đó, các bên liên quan có thể yêu cầu tổ chức một buổi tham vấn về các vấn đề được nêu trong bản tóm tắt ý kiến trong vòng 30 ngày sau khi công bố kết luận sơ bộ về vụ việc rà soát, trừ trường hợp Bộ Thương mại Hoa Kỳ có quy định khác. Cần lưu ý rằng trong vụ việc rà soát cuối kỳ rút gọn, các bên liên quan cũng có quyền nộp bản tóm tắt ý kiến và yêu cầu tổ chức tham vấn.

3. Rà soát cuối kỳ rút gọn

Bộ Thương mại Hoa Kỳ tiến hành rà soát cuối kỳ rút gọn khi không có đủ thông tin trả lời cần thiết từ các bên liên quan có trách nhiệm trả lời. Trong một vụ việc rà soát cuối kỳ rút gọn, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ đưa

ra kết luận cuối cùng trong vòng 120 ngày kể từ ngày khởi xướng rà soát. Thời hạn này có thể được gia hạn thêm không quá 90 ngày nếu Bộ Thương mại Hoa Kỳ cho rằng vụ việc quá phức tạp. Như đã lưu ý, việc thẩm tra, chấp nhận bản ý kiến tóm tắt và phản biện, tổ chức tham vấn có thể được thực hiện trong một vụ việc rà soát cuối kỳ rút gọn.

Trong một vụ việc rà soát cuối kỳ rút gọn, khi có kết quả, các tài liệu sau sẽ được công bố: 1) một thông báo trên Công báo Liên bang (do Trợ lý Bộ trưởng phụ trách quản lý nhập khẩu ký); and 2) một báo cáo kết luận rà soát (do Phó Trợ lý Bộ trưởng phụ trách hoạt động điều tra CBPG/CTC thuộc Cục Quản lý nhập khẩu (đối với rà soát lệnh áp thuế) hoặc Phó Trợ lý Bộ trưởng phụ trách chính sách và đàm phán (đối với rà soát cam kết thuế) gửi Trợ lý Bộ trưởng phụ trách quản lý nhập khẩu). Báo cáo kết luận rà soát sẽ phân tích: 1) khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá; 2) độ lớn của biên độ bán phá giá có khả năng xảy ra khả năng và 3) các vấn đề liên quan đến ý kiến và phản biện của các bên cũng như trong quá trình thẩm tra, nếu có.

HOÀN THÀNH RÀ SOÁT CUỐI KỲ

Nếu Bộ Thương mại Hoa Kỳ có kết luận xác định việc hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp trong một vụ việc rà soát cuối kỳ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ gộp thông báo về hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC vào thành một phần trong kết luận cuối cùng đăng trên Công báo Liên bang

và thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về kết quả rà soát.

Nếu Bộ Thương mại Hoa Kỳ có kết luận xác định việc hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp trong một vụ việc rà soát cuối kỳ, sau khi Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành kết luận cuối cùng trên Công báo Liên bang, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ chờ kết luận của Ủy ban Thương mại quốc tế xem liệu việc hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp CBPG/CTC có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

Bộ Thương mại Hoa Kỳ có 7 ngày sau khi Ủy ban Thương mại quốc tế công bố kết luận đánh giá về khả năng thiệt hại của ngành sản xuất trong nước trên Công báo Liên bang để ban hành thông báo hủy bỏ, tiếp tục lệnh áp thuế hoặc chấm dứt cam kết giá tùy từng trường hợp cụ thể trên Công báo Liên bang.⁴

Thông báo tiếp tục / hủy bỏ / chấm dứt lệnh áp thuế trên Công báo Liên bang

Khi Bộ Thương mại Hoa Kỳ xác định việc hủy bỏ lệnh áp thuế (hoặc chấm dứt cam kết giá) có khả năng dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp, đồng thời Ủy ban Thương mại quốc tế xác định rằng việc hủy bỏ hoặc chấm dứt đó có khả năng dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước, lệnh áp thuế hoặc thỏa thuận cam kết giá sẽ tiếp tục được áp dụng. Như đã đề cập ở trên, Bộ Thương mại Hoa Kỳ có 7 ngày sau khi Ủy ban Thương mại quốc tế công bố kết luận về thiệt hại

⁴ Xem Điều 351.218(f)(4) of the Department's regulations.



trên Công báo Liên bang để ban hành thông báo về việc tiếp tục áp dụng biện pháp trên Công báo Liên bang. Thời điểm bắt đầu có hiệu lực của việc tiếp tục áp dụng lệnh áp thuế là tháng mà thông báo được đăng trên Công báo Liên bang (chẳng hạn như thông báo mặc dù được ký vào tháng 1 nhưng được đăng trên Công báo vào tháng 2 thì hiệu lực sẽ bắt đầu từ tháng 2). Trong thông báo cũng sẽ đưa ra thời gian dự kiến sẽ khởi xướng rà soát cuối kỳ lần tiếp theo, thường là sau 5 năm thiếu 1 tháng kể từ khi đăng thông báo (chẳng hạn như nếu thông báo được đăng trên Công báo Liên bang vào tháng 1 năm 2020 thì kỳ rà soát cuối kỳ tiếp theo sẽ được khởi xướng vào tháng 12 năm 2024).

Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ hủy bỏ lệnh áp thuế (hoặc chấm dứt cam kết giá) nếu không có sự quan tâm của doanh nghiệp

trong nước. Bộ Thương mại Hoa Kỳ cũng sẽ hủy bỏ lệnh áp thuế (hoặc chấm dứt cam kết giá) nếu không có sự trả lời và cung cấp thông tin đầy đủ của ngành sản xuất trong nước. Trong cả hai trường hợp, Ủy ban Thương mại quốc tế sẽ chấm dứt việc rà soát của mình và không cần lấy ý kiến các ủy viên về vấn đề thiệt hại. Trong các trường hợp này, Bộ Thương mại Hoa Kỳ có 90 ngày kể từ ngày có thông báo khởi xướng rà soát để ban hành kết luận cuối cùng trên Công báo Liên bang về việc hủy bỏ lệnh áp thuế (hoặc chấm dứt cam kết giá). Bộ Thương mại Hoa Kỳ cũng sẽ hủy bỏ lệnh áp thuế (hoặc chấm dứt cam kết giá) khi xác định rằng không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp. Trường hợp cuối cùng mà Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành thông báo hủy bỏ hoặc chấm dứt việc áp

dụng biện pháp là khi Ủy ban Thương mại quốc tế xác định rằng không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất trong nước. Trong trường hợp này, Bộ Thương mại Hoa Kỳ có 7 ngày kể từ khi Ủy ban Thương mại quốc tế công bố kết luận về thiệt hại trên Công báo Liên bang để ban hành thông báo về việc hủy bỏ/ chấm dứt biện pháp. Ngày có hiệu lực của thông báo về việc hủy bỏ lệnh áp thuế (hoặc cam kết giá) là ngày kỷ niệm tròn 5 năm của ngày thông báo lệnh áp thuế, cam kết giá hoặc thông báo tiếp tục áp dụng biện pháp trước đó.

Khoảng trống trong hiệu lực của việc hủy bỏ lệnh áp thuế

Do ngày có hiệu lực của việc hủy bỏ một lệnh áp thuế là ngày kỷ niệm tròn 5 năm của ngày thông báo lệnh áp thuế (hoặc thông báo tiếp tục áp dụng lệnh

áp thuế), sẽ có một khoảng thời gian trống giữa lần rà soát hành chính gần nhất và ngày hủy bỏ lệnh áp thuế. Chẳng hạn như trong vụ việc áp thuế CBPG đối với sản phẩm phanh đĩa (brake rotors) từ Trung Quốc, thông báo về việc tiếp tục áp dụng lệnh áp thuế CBPG được công bố ngày 14 tháng 8 năm 2002. Theo đó, ngày có hiệu lực của việc hủy bỏ lệnh áp thuế CBPG sau khi tiến hành rà soát cuối kỳ là ngày 14 tháng 8 năm 2007. Tuy nhiên, lần rà soát hành chính trọn vẹn (có thời kỳ rà soát là 1 năm) gần nhất là cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 đến ngày 31 tháng 3 năm 2007. Do đó, khoảng trống thời gian giữa lần rà soát hành chính trọn vẹn gần nhất và ngày hủy bỏ lệnh áp thuế (từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 12 tháng 8 năm 2007) được xem là thời kỳ rà soát của lần rà soát hành chính cuối cùng đối với lệnh áp thuế. Tất nhiên, nếu như không có bên nào yêu cầu rà soát hành chính đối với lệnh áp thuế, hướng dẫn về việc tự động thanh khoản tiền đặt cọc đảm bảo nghĩa vụ thuế CBPG sẽ được đưa ra trong khoảng thời gian này.

Hướng dẫn đối với Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP)

Trong các vụ việc rà soát cuối kỳ, hướng dẫn về hải quan được gửi cho CBP khi một lệnh áp thuế bị hủy bỏ hoặc một thỏa thuận cam kết giá chấm dứt. Theo quy trình, Bộ Thương mại Hoa Kỳ quy định rằng các hướng dẫn này sẽ được ban hành không sớm hơn 15 ngày sau ngày công bố thông báo hủy bỏ hoặc chấm dứt biện pháp trên Công báo Liên bang. Ngày có hiệu lực của thông báo này là ngày kỷ niệm tròn 5 năm của ngày thông báo lệnh áp thuế, thông báo cam kết giá hoặc thông báo tiếp tục lệnh áp thuế.

Bên cạnh hướng dẫn về hải quan, hệ thống hải quan cũng cần phải được cập nhật với ngày có hiệu lực của việc hủy bỏ lệnh áp thuế. Việc này cần được thực hiện trước ngày công bố thông báo hủy bỏ lệnh áp thuế trên Công báo Liên bang.

Quy trình rà soát cuối kỳ biện pháp CBPG

Quy trình 1: Rà soát cuối kỳ đầy đủ

Ngày	Hoạt động
-30	Thông báo trước về việc khởi xướng rà soát trên Công báo Liên bang
0	Công bố khởi xướng rà soát trên Công báo Liên bang (đầu tháng)
15	Hạn gửi thông báo về ý định tham gia của ngành sản xuất trong nước *** Nếu không có doanh nghiệp sản xuất trong nước quan tâm, chuyển sang Quy trình 2. Nếu có doanh nghiệp quan tâm, thực hiện các bước tiếp theo ***
20	Thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về sự quan tâm của ngành sản xuất trong nước
30	Thời hạn nộp tuyên bố từ chối tham gia của bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin (nếu có)
30	Thời hạn nộp thông tin trọng yếu của tất cả các bên liên quan *** Nếu doanh nghiệp sản xuất trong nước không nộp thông tin trọng yếu hoặc nộp thông tin không đủ, chuyển sang Quy trình 3. Nếu nộp đủ thông tin trọng yếu, thực hiện các bước tiếp theo ***
	*** Nếu các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin không nộp thông tin trọng yếu hoặc nộp thông tin không đủ, chuyển sang Quy trình 4. Nếu nộp đủ thông tin trọng yếu, thực hiện các bước tiếp theo ***
35	Thời hạn nộp ý kiến phản biện đối với các thông tin trọng yếu
50	Thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về tính đầy đủ của các thông tin trọng yếu
110	Công bố kết luận sơ bộ trên Công báo Liên bang
120	Thẩm tra (nếu cần thiết)

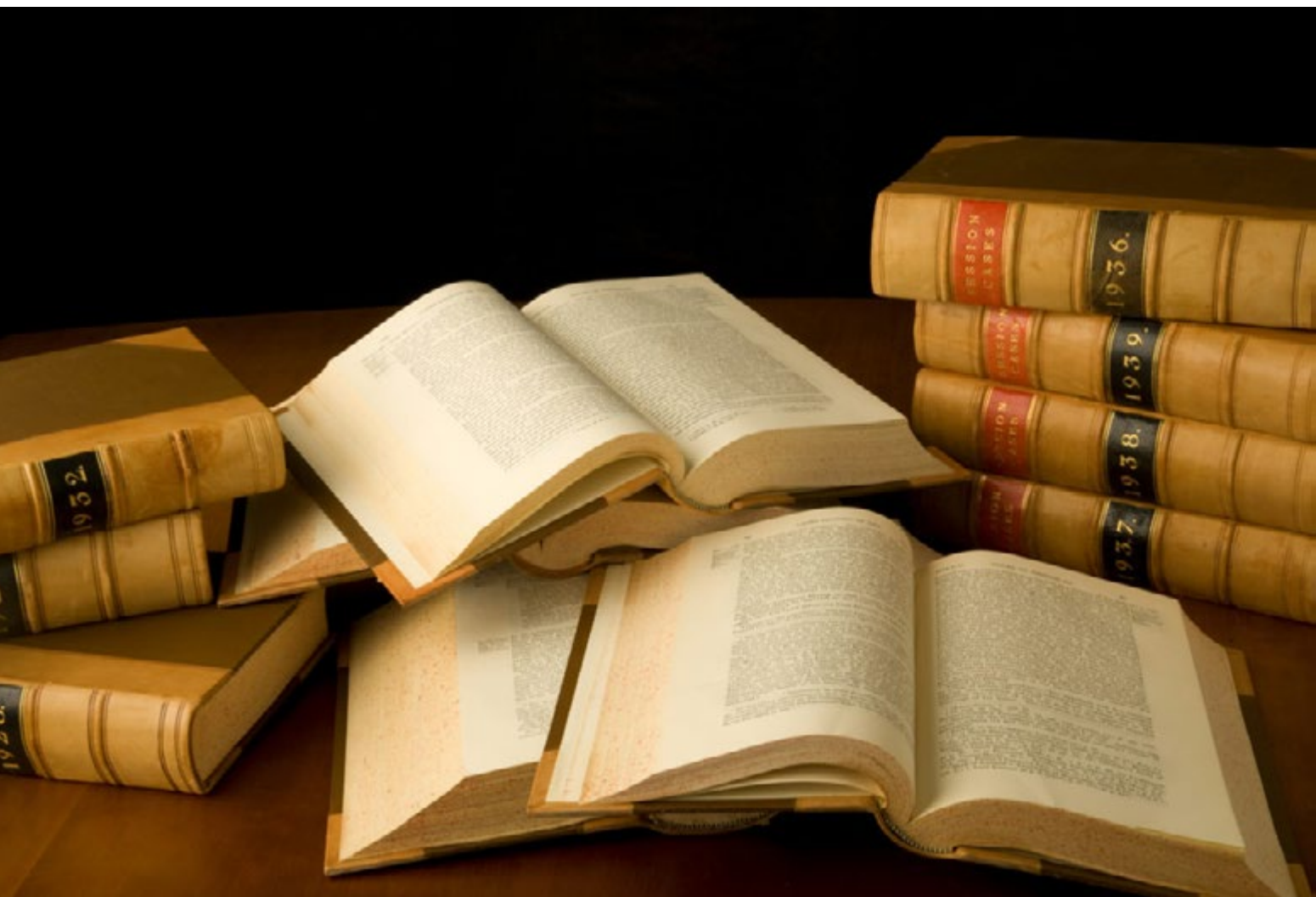
tbd	Thời hạn nộp tóm tắt ý kiến về vụ việc
tbd	Thời hạn nộp phản biện
tbd	Tham vấn (nếu có yêu cầu)
240	Thời hạn hoàn thành kết luận cuối cùng
330	Thời hạn hoàn thành kết luận cuối cùng nếu được gia hạn
	Ủy ban Thương mại quốc tế thông báo kết luận
0	Ủy ban Thương mại quốc tế công bố kết luận trên Công báo Liên bang
7	Thời hạn công bố quyết định hủy bỏ/ tiếp tục áp dụng biện pháp trên Công báo Liên bang

Quy trình 2 (không có DN SX trong nước quan tâm) (Hủy bỏ biện pháp)	
20	Thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về việc không có doanh nghiệp sản xuất trong nước quan tâm
90	Thời hạn công bố quyết định về việc hủy bỏ biện pháp trên Công báo Liên bang
180	Thời hạn công bố quyết định về việc hủy bỏ biện pháp trên Công báo Liên bang nếu được gia hạn (hầu như không xảy ra)

Quy trình 3 (không có hoặc không đủ thông tin trọng yếu từ DN SX trong nước)(Hủy bỏ biện pháp)	
40	Thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về việc không đủ thông tin trọng yếu từ DN SX trong nước
90	Thời hạn công bố quyết định về việc hủy bỏ biện pháp trên Công báo Liên bang

180	Thời hạn công bố quyết định về việc hủy bỏ biện pháp trên Công báo Liên bang nếu được gia hạn (hầu như không xảy ra)
-----	--

Quy trình 4 (không có hoặc không đủ thông tin trọng yếu từ các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin)(Rà soát cuối kỳ rút gọn)	
50	Thông báo cho Ủy ban Thương mại quốc tế về việc không đủ thông tin trọng yếu từ các bên liên quan được yêu cầu cung cấp thông tin
120	Thời hạn hoàn thành kết luận cuối cùng
210	Thời hạn hoàn thành kết luận cuối cùng nếu được gia hạn
	Ủy ban Thương mại quốc tế thông báo kết luận
0	Ủy ban Thương mại quốc tế công bố kết luận trên Công báo Liên bang
7	Thời hạn công bố quyết định hủy bỏ/ tiếp tục áp dụng biện pháp trên Công báo Liên bang



Các diễn biến về phòng vệ thương mại tại các phiên họp của các Ủy ban liên quan tại WTO trong nửa đầu năm 2024

Theo định kỳ, vào đầu Quý II hàng năm sẽ diễn ra phiên họp của ba Ủy ban về phòng vệ thương mại tại WTO (Ủy ban Chống bán phá giá, Ủy ban Trợ cấp và các biện pháp đối kháng, Ủy ban Tự vệ). Một số diễn biến đáng lưu ý tại các phiên họp của các Ủy ban này như sau:

Ủy ban Chống bán phá giá

Ủy ban đã xem xét các thông báo mới về luật do một số nước như Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đệ trình. Như thông lệ tại Ủy ban, khi xem xét các thông báo bán niên về các vụ việc chống bán phá giá, nhiều câu hỏi về thực tiễn thực thi đã được đặt ra liên quan đến việc khởi xướng điều tra, áp dụng các biện pháp chống bán phá giá tạm thời và cuối cùng, và việc rà soát các biện pháp chống bán phá giá hiện hành. Đối với các báo cáo bán niên trong khoảng thời gian từ ngày 1/7 đến ngày 31/12/ 2023, 41 thành viên đã thông báo về các hành động chống bán phá giá được thực hiện trong giai đoạn này, trong khi 14 thành viên báo cáo không có biện pháp nào. Ngoài ra, 52 thành viên đã gửi thông báo một lần về việc chưa thành lập cơ quan có thẩm quyền khởi xướng và tiến hành điều tra và cho đến nay chưa thực hiện bất kỳ hành động chống bán phá giá nào. Chủ tịch Ủy ban hoan nghênh việc các thành viên tiếp tục sử dụng rộng rãi công thông tin chống bán phá giá để nộp báo cáo bán niên. Ngoài các báo cáo bán niên, Hiệp định chống bán phá giá của WTO yêu cầu các thành viên phải nộp ngay thông báo về tất cả các hành động chống bán phá giá sơ bộ và cuối cùng đã được thực hiện. Ngoài ra, Nga đã đưa một mục vào chương trình nghị sự mang tên “Đối xử với nền kinh tế phi

thị trường trong các cuộc điều tra chống bán phá giá”.

2. Ủy ban Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM)

Mối quan tâm về tính minh bạch vẫn là trọng tâm trong các cuộc thảo luận tại cuộc họp Ủy ban SCM. Nhu cầu cải thiện tính minh bạch thông qua việc gửi thông báo trợ cấp kịp thời và đầy đủ một lần nữa lại là chủ đề chính. Chủ tịch Ủy ban nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của tính minh bạch đối với hoạt động của Ủy ban và nhấn mạnh tỷ lệ tuân thủ nghĩa vụ thông báo thấp đáng lo ngại. Chủ tịch báo cáo rằng 90 thành viên vẫn chưa gửi thông báo năm 2023, 83 thành viên chưa cung cấp thông báo năm 2021 và 72 thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ thông báo năm 2019, ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện đúng chức năng của Hiệp định về Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng. Chủ tịch nhắc lại lời kêu gọi các thành viên gửi thông báo kịp thời, nhấn mạnh rằng tất cả các thành viên đều được hưởng lợi từ nỗ lực chung của việc thông báo kịp thời và đầy đủ. Tám thành viên đã nêu lại mối quan tâm về vấn đề này. Chủ tịch nhấn mạnh sự hỗ trợ liên tục của Ban Thư ký WTO và dự án hỗ trợ kỹ thuật thành công gần đây nhằm tăng cường quy trình thông báo. Sáng kiến này đã dẫn đến việc 11/23 thành viên tham gia từ các quốc gia đang phát triển và kém phát triển nhất gửi thông báo năm 2023, đóng góp tới 15% tổng số thông báo nhận được cho chu kỳ này. Chủ tịch Ủy ban hoan nghênh những kết quả hữu hình của dự án, thể hiện tính hiệu quả của hỗ trợ kỹ thuật phù hợp. Chủ tịch hoan nghênh vòng thứ hai của khóa đào tạo này được lên kế hoạch vào cuối năm nay và

khuyến khích sự tham gia tích cực liên tục của các thành viên tham gia.

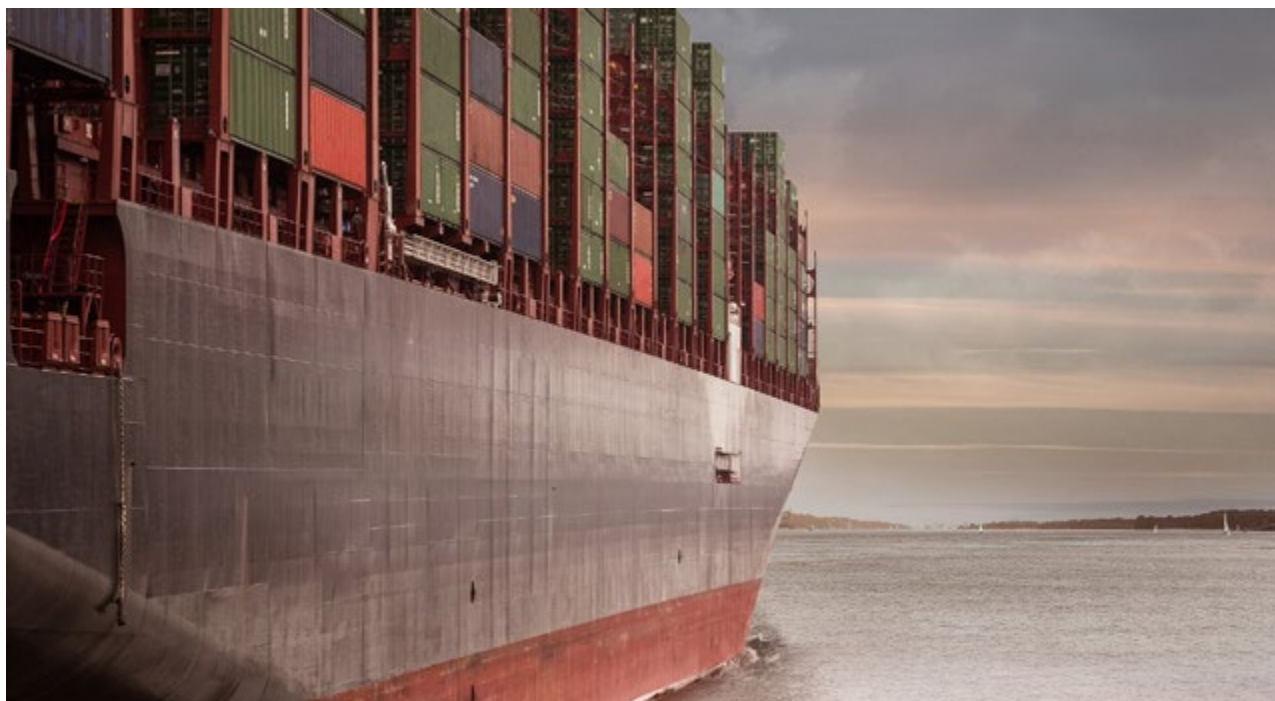
Ngoài ra, phiên họp cũng rà soát thông báo trợ cấp của thành viên năm 2023, và tiếp tục rà soát thông báo năm 2021, năm 2019 của 1 số thành viên. Ủy ban cũng đã xem xét các thông báo mới về luật thuế đối kháng do Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đệ trình. Báo cáo bán niên của các thành viên về hành động chống trợ cấp cũng đã được Ủy ban xem xét. Ngoài các báo cáo bán niên, Hiệp định SCM yêu cầu các thành viên phải gửi thông báo ngay lập tức về tất cả các biện pháp áp dụng thuế đối kháng sơ bộ và cuối cùng đã được thực hiện.

Chủ tịch nhắc lại thời hạn ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã quá lâu về việc loại bỏ trợ cấp xuất khẩu đối với các thành viên đã được gia hạn “theo thủ tục rút gọn” theo Điều 27.4. Chủ tịch lưu ý rằng chỉ 15/19 thành viên được gia hạn đã cung cấp các thông báo bắt buộc cuối cùng.

Ủy ban cũng đã xem xét các tính toán GNI bình quân đầu người cập nhật cho các thành viên được liệt kê trong Phụ lục VII(b) của Hiệp định SCM. Một số thành viên yêu cầu Ban Thư ký cung cấp các tính toán bằng cách sử dụng cùng một phương pháp cho tất cả các thành viên WTO, việc này đã được thực hiện một lần trước đó vào năm 2021.

Ngoài ra, Ủy ban đã bầu ứng cử viên đến từ Qatar và Hàn Quốc làm thành viên mới của Nhóm chuyên gia thường trực, thay thế các thành viên đã hết hạn.

Ủy ban đã thảo luận các đề xuất về việc gửi câu hỏi và câu trả lời theo Điều 25.8 và 25.9 do Úc, Canada, Liên minh Châu Âu,



Nhật Bản, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đệ trình.

Úc, Canada, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đã đưa ra một mục riêng trong chương trình nghị sự liên quan đến trợ cấp và công suất.

Trung Quốc đã đưa một mục riêng vào chương trình nghị sự liên quan đến các chính sách và biện pháp trợ cấp mang tính phân biệt đối xử của Hoa Kỳ.

Hàn Quốc đã đưa ra một mục riêng trong chương trình nghị sự liên quan đến chương trình trợ cấp xe điện của Pháp.

Hoa Kỳ đã đưa ra một mục riêng trong chương trình nghị sự liên quan đến các ưu đãi được đề xuất của Kazakhstan đối với máy móc nông nghiệp sản xuất trong nước.

Vương quốc Anh đã cung cấp thông tin cập nhật về đề xuất chung do Canada, Hàn Quốc, Nhật Bản, New Zealand, Na Uy, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đệ trình, liên quan đến việc thành lập nhóm kỹ thuật thảo

luận về các nội dung theo Hiệp định SCM.

3. Ủy ban Tự vệ

Ủy ban đã rà soát các thông báo tự vệ liên quan đến 28 sản phẩm.

Nhật Bản và Úc lưu ý rằng sau nhiều năm giảm số lượng các vụ việc khởi xướng và áp dụng các biện pháp tự vệ, những con số này hiện đã tăng lên. Hai nước nhắc lại mối quan ngại của họ về việc sử dụng công cụ này một cách không phù hợp.

Ủy ban đã xem xét các thông báo về luật hoặc quy định mới hoặc sửa đổi từ một số nước trong đó có Vương quốc Anh.

Ngoài ra, thông báo về các biện pháp tự vệ khác nhau của các thành viên sau đã được Ủy ban xem xét: Liên minh Châu Âu (1 cuộc điều tra); Indonesia (6); Madagascar (5); Maroc (4); Philippines, Nam Phi và Tunisia (mỗi nước 1 cuộc điều tra); Thổ Nhĩ Kỳ (6); Vương quốc Anh (1); và Hoa Kỳ (2). Các hành động tự vệ được thực hiện bởi Indonesia, Madagascar (một quốc gia LDC),

Maroc và Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 75% tổng số hành động tự vệ được xem xét.

Tám thành viên đã lên tiếng liên quan đến cập nhật của Liên minh Châu Âu về tình trạng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thép.

Bảy thành viên đã lên tiếng về tình trạng mới nhất của biện pháp tự vệ của Vương quốc Anh đối với một số sản phẩm thép.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban cũng cung cấp thông tin cập nhật về việc xây dựng cổng thông tin điện tử để nộp các thông báo về tự vệ.

Dự kiến phiên họp định kỳ tiếp theo của 3 Ủy ban sẽ vào tuần 28/10/2024.

PHẠM HƯƠNG GIANG
Tổng hợp từ WTO

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tổ chức, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng vệ thương mại;
2. Xây dựng, vận hành và quản lý mạng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Cục;
3. Phát triển các hoạt động dịch vụ thông tin phục vụ yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Cục trưởng;
4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong, ngoài Cục biên tập, phát hành các ấn phẩm định kỳ giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan về lĩnh vực phòng vệ thương mại và các hoạt động khác của Cục.
5. Vận hành, duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Cục;
6. Chủ trì công tác cảnh báo sớm các vụ việc chống bán phá giá đối với hàng Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài.
7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan đến phòng vệ thương mại;
8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác phòng vệ thương mại;
9. Tổ chức khảo sát, điều tra các lĩnh vực liên quan đến phòng vệ thương mại;
10. Tham gia hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị thuộc Cục trong công tác nghiên cứu và phân tích thông tin theo chỉ đạo của Cục trưởng;
11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin về phòng vệ thương mại;
12. Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ được giao;
13. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính và tài sản được giao theo quy định;
14. Theo dõi và cập nhật thường xuyên các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra, áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, các mặt hàng có nguy cơ bị lẩn tránh thuế.
15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI